

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành: Tài chính – Bảo hiểm

Mã ngành: **7340202**

Trình độ đào tạo: Đại học

I. SỰ CẦN THIẾT MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu khái quát về Trường Đại học Lao động – Xã hội.

Trường Đại học Lao động - Xã hội tiền thân từ Trường Trung học Lao động - Tiền lương thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội thành lập năm 1961 có nhiệm vụ đào tạo cán bộ lao động tiền lương cho toàn miền Bắc. Năm 1991 Trường Trung học Lao động - Tiền lương hợp nhất với Trường Quản lý Cán bộ Thương binh - Xã hội lấy tên là Trường Cán bộ Lao động - Xã hội. Tháng 1/1997 Trường được Thủ tướng Chính phủ quyết định nâng cấp lên thành Trường Cao đẳng Lao động - Xã hội. Ngày 31/01/2005 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 26/2005/QĐ-TTg thành lập Trường Đại học Lao động - Xã hội.

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: University of Labor and Social Affairs

- Tên viết tắt bằng tiếng Anh: ULSA

- Cơ quan chủ quản: Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Địa chỉ đào tạo: Số 43 đường Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội; Số 1018 đường Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh; Phố Hữu Nghị, Phường Xuân Khanh, TX Sơn Tây, Hà Nội.

- Số điện thoại: 024. 35566176

Fax: 024.35566173

- Website: www.uls.edu.vn

Từ khi được thành lập đến nay, Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo ở các bậc: tiến sĩ, thạc sĩ, đại học, cao đẳng và trung cấp với nhiều loại hình đào tạo từ chính quy tập trung đến vừa làm vừa học. Trường đã từng bước hoàn chỉnh chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, đại học, cao đẳng, trung cấp và các khóa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ ngắn hạn.

Đến năm 2021, Nhà trường đã có kinh nghiệm 16 năm đào tạo bậc đại học, quy mô đào tạo đại học của Trường vào khoảng 15.000 sinh viên. Hiện nay, Trường Đại học

Lao động - Xã hội có 12 ngành đào tạo bậc đại học là Kế toán, Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Bảo hiểm, Luật, Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Tâm lý học, Kiểm toán, Công nghệ thông tin, Hệ thống thông tin quản lý và ngành Tài chính – Ngân hàng. 04 ngành đào tạo bậc thạc sĩ là Quản trị nhân lực, Kế toán, Công tác xã hội và Quản trị kinh doanh; 01 ngành đào tạo bậc tiến sĩ: Quản trị nhân lực. Trường có 11 khoa: Kế toán, Công tác xã hội, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo hiểm, Quản trị kinh doanh, Luật, Kỹ thuật chính hình, Lý luận chính trị, Ngoại ngữ, Giáo dục đại cương và Khoa Sau đại học, có 7 phòng chức năng và 02 tổ chức phục vụ đào tạo. Trường đã đào tạo được 12 khóa đại học, với trên 20.000 cử nhân đại học và hàng chục ngàn cử nhân cao đẳng đã tốt nghiệp ra trường. Nhìn chung, kết quả đào tạo của trường đạt chất lượng tốt, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau một năm tốt nghiệp đạt trên 90%. Sinh viên tốt nghiệp của trường được các tổ chức và các doanh nghiệp đánh giá cao về năng lực làm việc.

Trường Đại học Lao động - Xã hội có trụ sở chính tại Hà Nội, cơ sở Sơn Tây và cơ sở II Thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích khoảng gần 20 ha. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được đầu tư đồng bộ và nâng cấp hàng năm. Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất, phòng học, giảng đường, trang thiết bị phục vụ cho việc đào tạo đại học, thạc sĩ và tiến sĩ, phòng tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học đạt tiêu chuẩn. Hệ thống Thư viện có phòng đọc đảm bảo gần 400 chỗ ngồi, với hơn 100.000 đầu sách và hàng trăm loại báo chí chuyên ngành phục vụ cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học như: Các sách về kế toán, tài chính- ngân hàng, kinh tế, kinh tế lao động, quản trị nhân lực, quản trị kinh doanh, ... các sách tham khảo từ công trình nghiên cứu của các chuyên gia trong và ngoài nước, các tạp chí kinh tế, các luận án kinh tế và các đề tài nghiên cứu khoa học, các sách tin học hướng dẫn khai thác phần mềm phục vụ nghiệp vụ ngành. Hiện nay, thư viện Nhà trường đang thực hiện đề án Thư viện điện tử để nâng cấp thư viện và tăng cường khả năng, chất lượng khai thác thông tin cho sinh viên.

Về hoạt động nghiên cứu khoa học, từ năm 2005 đến nay Trường Đại học Lao động – Xã hội đã thực hiện 259 đề tài, trong đó có 01 đề tài cấp Nhà nước và 25 đề tài cấp Bộ; Trường đã biên soạn, biên dịch được 121 giáo trình, tài liệu; Trường có 861 bài đăng tạp chí, trong đó có 62 bài đăng tạp chí quốc tế (23 bài đăng trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục Scopus hoặc ISI); Trường có 999 bài đăng kỷ yếu hội thảo, trong đó có 138 bài đăng kỷ yếu hội thảo quốc tế. Những công trình khoa học đã góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ, giảng viên trong Trường.

Về hoạt động hợp tác quốc tế, trong những năm qua, trường có quan hệ hợp tác với hơn 30 tổ chức và trường đại học trên thế giới như: Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc (UNICEF), Tổ chức Lao động thế giới (ILO), Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ Vì nhân dân châu Á – Thái Bình Dương (AFAP), Quỹ Quốc tế Singapore, các tổ chức: Actoin Aid, CIDA (Canada), Caritas (Đức), WWO (Hoa Kỳ), CFSI; Trường Đại học Memorial (Canada), Đại học Phụ nữ Philipin... Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hợp tác đào tạo trình độ thạc sĩ Quản trị nhân lực với trường đại học Limkokwing của Malaysia; tham gia nhiều dự án hợp tác, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lao động do chính phủ và một số tổ chức quốc tế tài trợ như dự án SIIR về quan hệ lao động, dự án Canada pha 2 về tăng cường năng lực cho giảm nghèo thông qua đào tạo... Các dự án tài trợ, hợp tác quốc tế đã mang lại nhiều cơ hội cho Nhà trường và góp phần nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ giảng viên trong việc học tập, giảng dạy, nghiên cứu, các hoạt động thực tiễn... Cũng từ đó, vị thế của Trường Đại học Lao động – Xã hội cũng từng bước được nâng cao.

Trong 60 năm qua trường luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba, Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba và nhiều phần thưởng cao quý khác

2. Sự cần thiết về việc mở ngành Tài chính – Bảo hiểm

Trường Đại học Lao động - Xã hội là trường đại học hàng đầu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Trường luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Ngày 05/5/2016, Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã ký Quyết định số 565/QĐ-ĐHLĐXH phê duyệt quy hoạch phát triển Trường Đại học Lao động - Xã hội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Định hướng phát triển trong Quyết định nêu rõ Trường Đại học Lao động - Xã hội cần phát triển đào tạo đa cấp trình độ, lĩnh vực, ngành nghề, hình thức. Vì vậy, Trường Đại học Lao động - Xã hội lập đề án đăng ký mở ngành đào tạo Tài chính – Bảo hiểm là cần thiết và phù hợp với quy hoạch phát triển của Trường đã được Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phê duyệt.

Trường Đại học lao động xã hội xác định tầm nhìn đến năm 2030, Trường Đại học Lao động – Xã hội trở thành trường Đại học hàng đầu Việt Nam trong đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao thuộc lĩnh vực lao động - xã hội có kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo, năng động, sáng tạo trong công việc, đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực; trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế có uy

tín trong khu vực ASEAN. Bên cạnh đó sứ mệnh của trường cũng được xác định rõ Trường Đại học Lao động - Xã hội là cơ sở giáo dục đại học công lập duy nhất của ngành LĐTBXH trong đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao theo định hướng ứng dụng với thế mạnh là các ngành Quản trị nhân lực, Công tác xã hội, Bảo hiểm, Kế toán và Quản trị kinh doanh; là trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực kinh tế - lao động - xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển của Ngành, đất nước và hội nhập quốc tế

Với tầm nhìn và sứ mệnh trên thì việc đào tạo nguồn lực phù hợp với nhu cầu phát triển của thị trường và thời đại là nhiệm vụ hết sức quan trọng. Chính vì vậy việc Trường Đại học Lao động – Xã hội đào tạo nguồn lực cho ngành Tài chính – Bảo hiểm là hoàn toàn phù hợp với các mục tiêu phát triển chiến lược của Trường, của quốc gia, tạo nên một hệ thống ngành đào tạo đa dạng trong khối ngành Tài chính – Bảo hiểm – Ngân hàng trong đó có ngành Tài chính – Bảo hiểm.

Ngành tài chính, đặc biệt là bảo hiểm đã và đang trở thành ngành kinh tế quan trọng của nhiều quốc gia trên thế giới. Ở Việt Nam hiện nay, Ngành Tài chính hiện nay đang quản lý các lĩnh vực liên quan đến tài chính, bảo hiểm thương mại. Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội đang quản lý và giám sát các lĩnh vực đặc thù của tất cả các doanh nghiệp trong nền kinh tế. Các lĩnh vực mà hai ngành này phụ trách gồm rất nhiều vấn đề kinh tế có liên quan đến tài chính, bảo hiểm,... vì vậy cần nhiều cán bộ có trình độ chuyên môn về tài chính, bảo hiểm. Trong các hội nghị giao ban ngành, lãnh đạo Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội cũng nhiều lần yêu cầu Trường Đại học Lao động - Xã hội phải chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tổ chức đào tạo ngành Tài chính – Bảo hiểm, để trước hết phục vụ cho ngành, sau đó là đáp ứng nhu cầu chung của đất nước.

Trong thời gian tới, cùng với sự phát triển của nền kinh tế, số lượng người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp chắc chắn sẽ tăng lên, dẫn đến số lượng tiền đóng, hưởng các loại bảo hiểm cũng sẽ tăng theo. Để quản lý hiệu quả nguồn quỹ này, ngành lao động – thương binh và xã hội cần phải có một nguồn nhân lực không chỉ có kiến thức về nghiệp vụ bảo hiểm mà còn phải có kiến thức về tài chính. Bên cạnh đó, hội nhập quốc tế đã làm cho làn sóng đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam không ngừng gia tăng qua các năm, tuy nhiên, số vốn giải ngân còn ở mức khá khiêm tốn. Do ảnh hưởng của hệ thống chính sách, quản lý hệ thống tài chính còn chưa hiệu quả dẫn đến sức cạnh tranh của nền kinh tế và khả năng thu hút nguồn vốn đầu tư còn chưa

đạt được số lượng tương xứng với tiềm năng. Sự kết hợp 02 ngành Tài chính và Bảo hiểm thành ngành Tài chính – Bảo hiểm là nền tảng kiến thức quan trọng để đảm bảo sự thành công của tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị nói riêng và đối với cả nền kinh tế nói chung. Ngoài ra, hiện nay nhà trường có mối quan hệ tốt với nhiều doanh nghiệp ở Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh và nhiều tỉnh thành khác. Hàng năm, nhà trường đều nhận được đề xuất của các doanh nghiệp về nhu cầu cán bộ, trong đó có cán bộ được đào tạo chuyên ngành Tài chính – Bảo hiểm.

Trong giai đoạn tới nhiệm vụ của ngành LD-TB&XH là hết sức nặng nề, vì vậy đòi hỏi phải có đội ngũ cán bộ đa dạng về chuyên môn nghiệp vụ, trong đó quan trọng là nghiệp vụ quản trị tài chính, bảo hiểm, quản trị kinh doanh. Trước tình hình đó lãnh đạo Bộ LD- TB&XH đã giao nhiệm vụ cho trường phải phát triển thêm các ngành đào tạo nhằm đáp ứng được nhu cầu đào tạo lao động có trình độ cao, đa dạng ngành nghề, phục vụ ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Hiện nay nhà trường đang tiến hành đào tạo ngành học bảo hiểm ở bậc đại học và cao học tuy nhiên vẫn chưa có chuyên ngành sâu về tài chính – bảo hiểm.

Theo mục tiêu của Chiến lược phát triển Bảo hiểm giai đoạn 2020-2030 của Chính phủ cũng như thông qua các khảo sát của thị trường lao động cho thấy hiện nay nguồn nhân lực phục vụ phát triển tài chính, bảo hiểm được đánh giá là thiếu hụt trầm trọng cả về số lượng và đặc biệt là chất lượng. Theo Cục quản lý giám sát Bảo hiểm – Bộ Tài chính, thị trường bảo hiểm Việt Nam vẫn đang tăng trưởng cao và ổn định, hơn 20% với 69 doanh nghiệp (trong đó có 31 doanh nghiệp bảo hiểm (DNBH) phi nhân thọ, 18 DNBH nhân thọ, 18 doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, 2 doanh nghiệp tái bảo hiểm) và 1 chi nhánh DNBH phi nhân thọ nước ngoài luôn sẵn sàng tiếp nhận sinh viên ngành bảo hiểm đến làm việc. Trong tổng số 1.000 sinh viên chuyên ngành tài chính ra trường hàng năm chỉ có khoảng 1/3 có khả năng thích ứng ngay với công việc (*Báo cáo thống kê của Chương trình nghiên cứu khả năng cạnh tranh và tác động của tự do hóa thương mại dịch vụ tại Việt Nam*), do các đặc thù nghề nghiệp, sự liên kết giữa đào tạo và thị trường là yếu tố hết sức quan trọng trong giáo dục nghiệp vụ bảo hiểm.

Hoạt động đào tạo chính quy và chuyên sâu về bảo hiểm thương mại được thực hiện tại một số trường đại học và học viện có đào tạo về tài chính với khả năng đào tạo khoảng 300-400 người/năm như: Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội, Đại học Kinh tế TP.HCM, Học viện Tài chính. Riêng ở TP.HCM, những địa chỉ đào tạo cung ứng nguồn

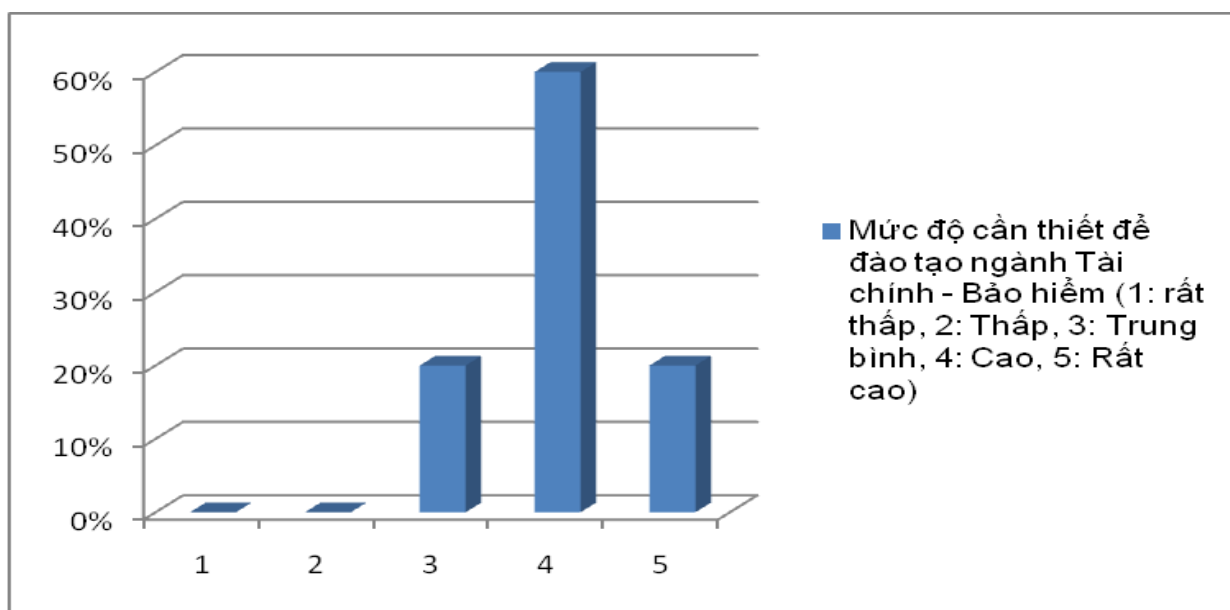
nhân lực chuyên ngành tài chính – ngân hàng chỉ tập trung ở Trường đại học Kinh tế, Đại học Ngân hàng và mới đây có thêm Trường Quản lý Pháp Việt (CFVG), khoa kinh tế Đại học Quốc gia TP.HCM và một số bộ môn của khoa quản trị kinh doanh thuộc các trường dân lập nhưng số lượng không nhiều. Trong đó, nhân lực thuộc ngành tài chính lại không nắm được về bảo hiểm, nhân lực ngành bảo hiểm lại không hiểu biết sâu về lĩnh vực tài chính, mà thực tế hai ngành này lại có mối quan hệ mật thiết với nhau, đòi hỏi nhân lực cần hiểu biết về cả hai lĩnh vực tài chính và bảo hiểm để đáp ứng tốt nhất yêu cầu công việc, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao trong ngành Bảo hiểm.

Năm 2020 Khoa Bảo hiểm, Trường Đại học Lao động - Xã hội đã tiến hành một cuộc khảo sát với quy mô 100 đơn vị (gồm các doanh nghiệp thuộc nhiều lĩnh vực như tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, cung ứng lao động, các cơ quan bảo hiểm xã hội...) và 120 học sinh phổ thông trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

Khảo sát nhận định của cơ quan về ngành Tài chính – Bảo hiểm với 5 mức đánh giá gồm: 1: rất thấp; 2: thấp; 3: trung bình; 4: cao; 5: rất cao. Kết quả như sau:

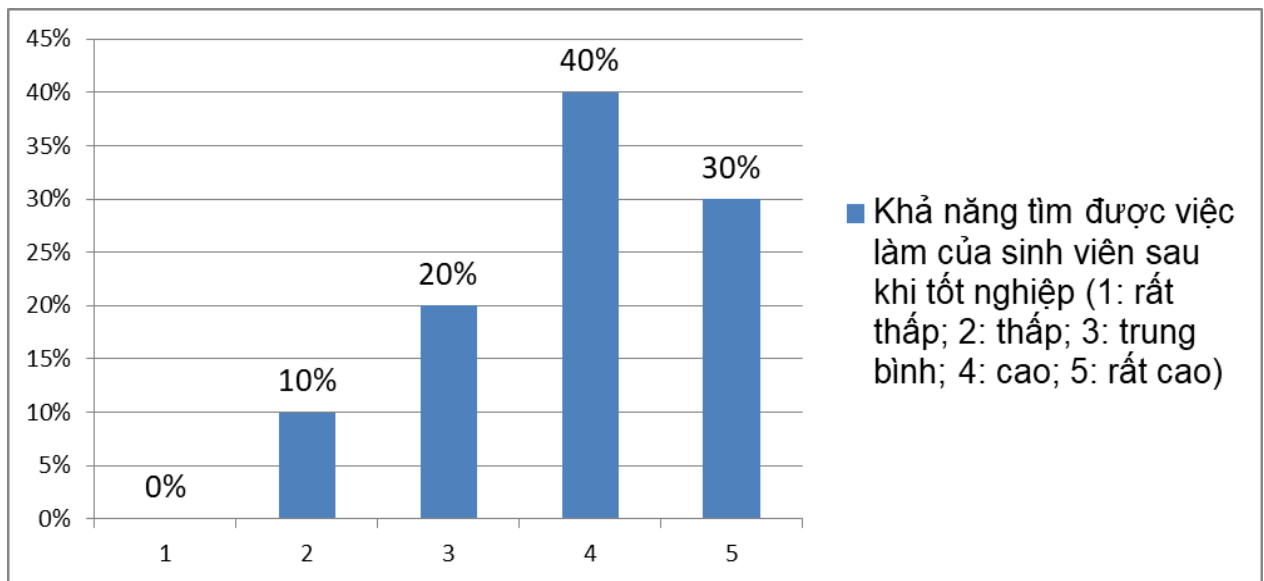
- Về mức độ cần thiết để đào tạo ngành Tài chính – Bảo hiểm, có 60% đơn vị được khảo sát đánh giá mức cần thiết cao và 20% đánh giá mức cần thiết rất cao.

Hình 1: Đánh giá mức độ cần thiết để đào tạo ngành Tài chính – Bảo hiểm



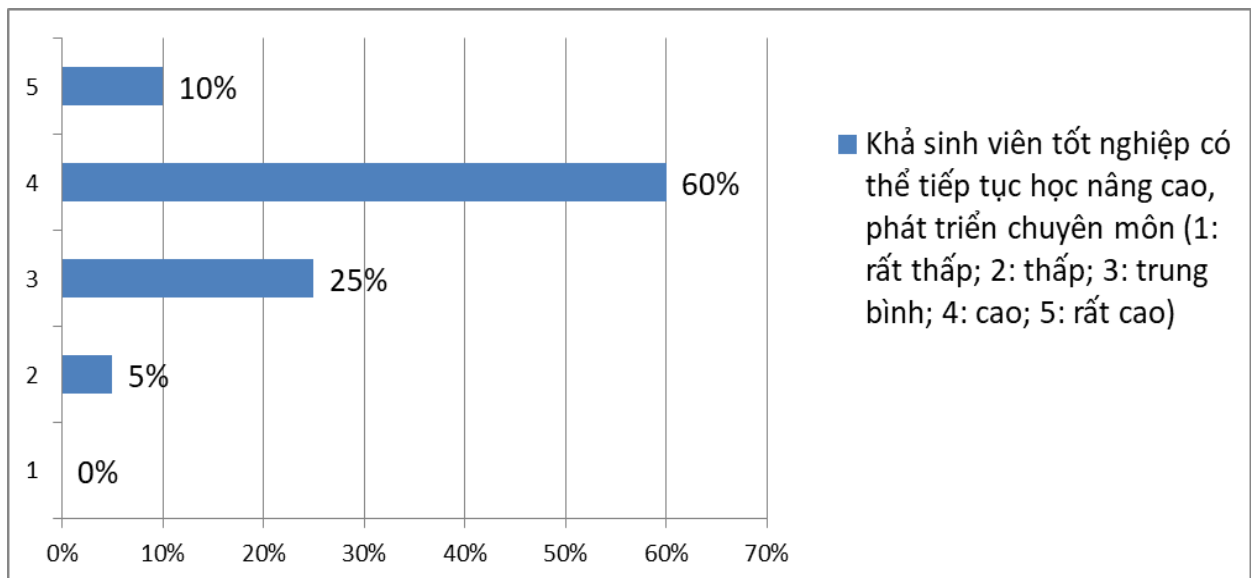
- Về khả năng tìm được việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp, có 40% đơn vị cho rằng khả năng tìm được việc làm của sinh viên tốt nghiệp ngành Tài chính – Bảo hiểm cao, 30% cho rằng khả năng tìm được việc làm rất cao.

Hình 2: Đánh giá khả năng tìm được việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp



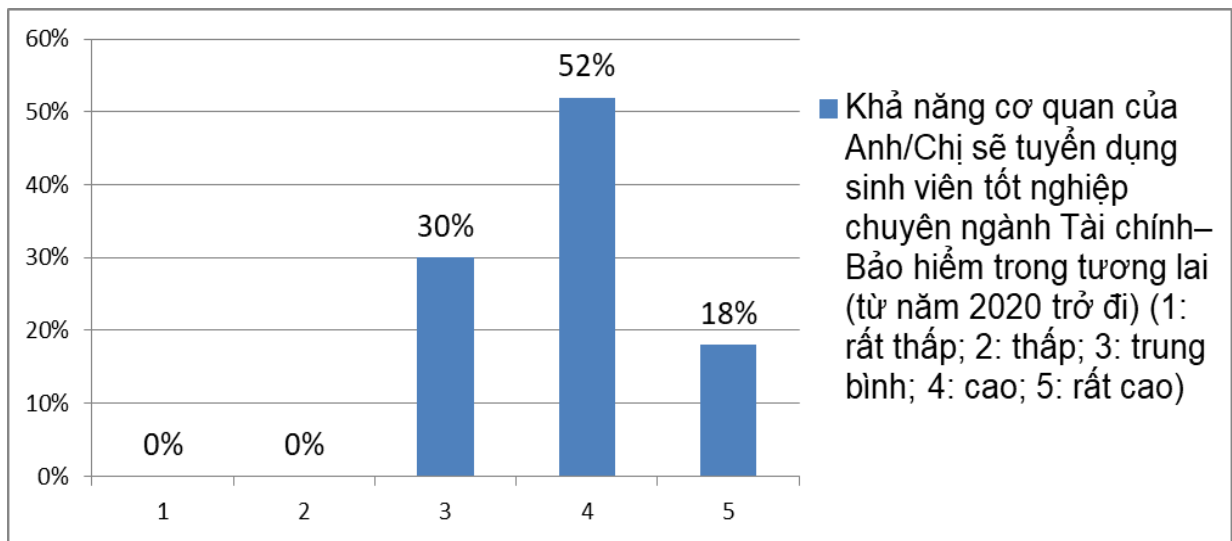
- Có 60% các đơn vị được khảo sát cho rằng khả năng sinh viên tốt nghiệp có thể tiếp tục học nâng cao, phát triển chuyên môn, 10% cho rằng khả năng là rất cao.

Hình 3: Đánh giá khả năng sinh viên tốt nghiệp có thể tiếp tục học nâng cao, phát triển chuyên môn



- Có 70% các đơn vị được khảo sát cho rằng, khả năng sẽ tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp ngành Tài chính – Bảo hiểm trong tương lai cao và rất cao.

Hình 4: Đánh giá khả năng sẽ tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp ngành Tài chính – Bảo hiểm trong tương



- Khi được hỏi về mức mức độ cần thiết của các môn học đối với sinh viên ngành Tài chính – Bảo hiểm, đa phần cách doanh nghiệp đều đánh giá sự cần thiết ở mức cao và rất cao đối với các môn học: Tài chính tiền tệ, Quản trị rủi ro tài chính doanh nghiệp, Quản trị kinh doanh bảo hiểm, Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội, Nghiệp vụ bảo hiểm thương mại, Đầu tư tài chính bảo hiểm, Tin học chuyên ngành tài chính bảo hiểm, Định phí bảo hiểm.

Bảng 1: Đánh giá mức mức độ cần thiết của các môn học đối với sinh viên ngành Tài chính – Bảo hiểm

STT	Môn học	Số lượng và tỷ lệ các đơn vị đánh giá mức độ cần thiết (1: rất thấp; 2: thấp; 3: trung bình; 4: cao; 5: rất cao)					Tổng
		1	2	3	4	5	
1	Tài chính tiền tệ	0	0	32	50	18	100
	Tỷ lệ	0%	0%	32%	50%	18%	100%
2	Quản trị rủi ro tài chính doanh nghiệp	0	2	32	60	6	100
	Tỷ lệ	0%	2%	32%	60%	6%	100%
3	Quản trị kinh doanh bảo hiểm	0	0	20	50	30	100
	Tỷ lệ	0%	0%	20%	50%	30%	100%
4	Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội	0	0	25	50	25	100

	Tỷ lệ	0%	0%	25%	50%	25%	100%
5	Nghệp vụ bảo hiểm thương mại	0	0	10	80	10	100
	Tỷ lệ	0%	0%	10%	80%	10%	100%
6	Đầu tư tài chính bảo hiểm	0	5	25	50	20	100
	Tỷ lệ	0%	5%	25%	50%	20%	100%
7	Tin học chuyên ngành tài chính bảo hiểm	0	0	12	52	36	100
	Tỷ lệ	0%	0%	12%	52%	36%	100%
8	Định phí bảo hiểm	0	2	22	58	18	100
	Tỷ lệ	0%	2%	22%	58%	18%	100%

- Phần lớn các doanh nghiệp cho rằng sinh viên ngành Tài chính – Bảo hiểm cần được trang bị các kỹ năng mềm để có thể thành công trong công việc sau khi tốt nghiệp.

Bảng 2: Đánh giá mức mức độ cần thiết về các kỹ năng mềm đối với sinh viên ngành Tài chính – Bảo hiểm

STT	Kỹ năng mềm	Số lượng và tỷ lệ các đơn vị đánh giá mức độ cần thiết (1: rất thấp; 2: thấp; 3: trung bình; 4: cao; 5: rất cao)					Tổng
		1	2	3	4	5	
1	Giao tiếp	0	0	5	60	35	100
	Tỷ lệ	0%	0%	5%	60%	35%	100%
2	Lập kế hoạch	0	0	15	60	25	100
	Tỷ lệ	0%	0%	15%	60%	25%	100%
3	Khai thác/tìm kiếm thông tin	0	0	10	50	40	100
	Tỷ lệ	0%	0%	10%	50%	40%	100%
4	Làm việc nhóm	0	0	8	52	40	100

	Tỷ lệ	0%	0%	8%	52%	40%	100%
5	Thuyết trình	0	0	25	50	25	100
	Tỷ lệ	0%	0%	25%	50%	25%	100%
6	Quan hệ công chúng	0	5	19	58	18	100
	Tỷ lệ	0%	5%	19%	58%	18%	100%
7	Làm việc độc lập	0	0	5	70	25	100
	Tỷ lệ	0%	0%	5%	70%	25%	100%
8	Điều hành và tổ chức công việc	0	0	10	55	35	100
	Tỷ lệ	0%	0%	10%	55%	35%	100%

- Đối với các kỹ năng chuyên môn, các nhà tuyển dụng cho là sinh viên ngành Tài chính – Bảo hiểm cần phải được trang bị các kỹ năng về: Lập và phân tích báo cáo tài chính, Ứng dụng công nghệ thông tin để lập báo cáo tài chính, Hoạch định chiến lược tài chính, Quản trị tài chính các doanh nghiệp, Quản lý nghiệp vụ bảo hiểm, Phân tích hợp đồng bảo hiểm, Quản trị kênh phân phối bảo hiểm, Phân tích tài chính DN bảo hiểm.

Bảng 3: Đánh giá mức mức độ cần thiết về các kỹ năng chuyên môn đối với sinh viên ngành Tài chính – Bảo hiểm

STT	Kỹ năng chuyên môn	Số lượng và tỷ lệ các đơn vị đánh giá mức độ cần thiết (1: rất thấp; 2: thấp; 3: trung bình; 4: cao; 5: rất cao)					Tổng
		1	2	3	4	5	
1	Lập và phân tích báo cáo tài chính	0	0	10	40	50	100
	Tỷ lệ	0%	0%	10%	40%	50%	100%
2	Ứng dụng công nghệ thông tin để lập báo cáo tài chính	0	0	4	55	41	100
	Tỷ lệ	0%	0%	4%	55%	41%	100%
3	Hoạch định chiến lược tài chính	0	0	5	65	30	100

	Tỷ lệ	0%	0%	5%	65%	30%	100%
4	Quản trị tài chính các doanh nghiệp	0	0	10	55	35	100
	Tỷ lệ	0%	0%	10%	55%	35%	100%
5	Quản lý nghiệp vụ bảo hiểm	0	0	4	47	49	100
	Tỷ lệ	0%	0%	4%	47%	49%	100%
6	Phân tích hợp đồng bảo hiểm	0	0	6	46	48	100
	Tỷ lệ	0%	0%	6%	46%	48%	100%
7	Quản trị kênh phân phối bảo hiểm	0	0	3	54	43	100
	Tỷ lệ	0%	0%	3%	54%	43%	100%
8	Phân tích tài chính DN bảo hiểm	0	0	8	50	42	100
	Tỷ lệ	0%	0%	8%	50%	42%	100%

Cuộc điều tra đối với 120 người học chủ yếu tập trung khảo sát nhu cầu học tập của người được phỏng vấn sau khi tốt nghiệp phổ thông trung học và nhận định về sự cần thiết của chuyên ngành Tài chính – Bảo hiểm.

Đối với khảo sát nhu cầu học tập, câu hỏi trong bảng phỏng vấn là: “Anh/chị có nhu cầu học các lĩnh vực nào sau đây trong thời gian tới?”. Người trả lời sẽ chọn một hoặc nhiều lĩnh vực mà mình dự kiến học trong thời gian tới. Kết quả cho thấy 86/120 (chiếm 72% số phiếu) người dự kiến sẽ học lĩnh vực về tài chính, 45% (chiếm 38% số phiếu) người dự kiến chọn học lĩnh vực về bảo hiểm.

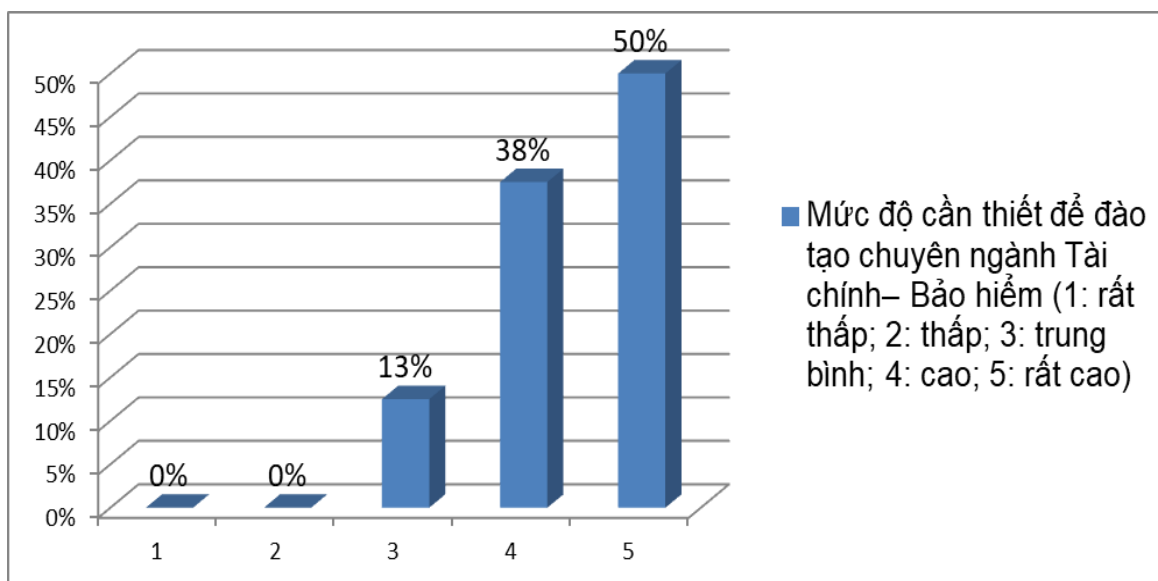
Bảng 4: Lĩnh vực dự kiến sẽ học của người được phỏng vấn

Lĩnh vực	Số lựa chọn	Tỷ lệ
Tài chính	86	72%
Bảo hiểm	45	38%
Quản trị kinh doanh	60	50%
Ngân hàng	56	47%
Kế toán	48	40%
Các ngành khối xã hội	47	39%

Các ngành khối kỹ thuật	52	43%
Khác	10	8%
Không có nhu cầu	5	4%

Đối với câu hỏi về nhận định mức độ cần thiết để đào tạo ngành Tài chính – Bảo hiểm, đa phần người học đều đồng ý rằng cần thiết phải mở ngành này.

Hình 5: Đánh giá của người học về mức độ cần thiết để đào tạo ngành Tài chính – Bảo hiểm



Đánh giá chung và kết quả khảo sát người sử dụng lao động và người học trên đây cho thấy nhu cầu học và tuyển dụng người tốt nghiệp ngành Tài chính – Bảo hiểm vẫn còn nhiều. Bên cạnh đó phần lớn các đơn vị tuyển dụng lao động được phỏng vấn đều cho rằng sinh viên ngành Tài chính – Bảo hiểm cần trang bị các kiến thức, kỹ năng phù hợp với nội dung chương trình đào tạo của Trường đưa ra. Từ đó có thể khẳng định chương trình đào tạo cử nhân ngành Tài chính – Bảo hiểm của Trường Đại học Lao động - Xã hội có khả năng cạnh tranh với các cơ sở đào tạo khác trên cả nước.

Việc mở ngành đào tạo trình độ đại học ngành Tài chính – Bảo hiểm nhằm thực hiện sứ mệnh của Trường Đại học Lao động – Xã hội đã được nêu trong chiến lược phát triển của Nhà trường giai đoạn 2020 – 2025, tầm nhìn đến 2030, cũng như thực hiện phương hướng, nhiệm vụ năm học 2021 - 2022 đã được Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường thông qua, được sự đồng thuận của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Căn cứ vào năng lực đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất và nhu cầu của thị trường lao động, định hướng chỉ đạo của lãnh đạo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, việc Trường đại học Lao động - Xã hội xin được đào tạo ngành Tài chính – Bảo hiểm trình độ đại học là một chủ trương đúng đắn và khả thi.

Trường đại học Lao động - Xã hội kính trình và đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép trường mở ngành đào tạo Tài chính – Bảo hiểm ở trình độ Đại học.

II. TÓM TẮT ĐIỀU KIỆN MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO TÀI CHÍNH – BẢO HIỂM CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

1. Năng lực của trường Đại học Lao động – Xã hội

1.1 Đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học cơ hữu ngành Tài chính – Bảo hiểm:

Trường Đại học Lao động - Xã hội hiện có 681 công chức, viên chức và người lao động, trong đó 466 giảng viên có trình độ sau đại học và đang học sau đại học. Cụ thể, Trường có 10 phó giáo sư; 115 tiến sĩ; gần 40 người đang theo học nghiên cứu sinh; 316 người có trình độ thạc sĩ; số còn lại đang theo học thạc sĩ trong và ngoài nước.

Khoa Bảo hiểm có tổng số 30 giảng viên, trong đó cơ sở 43 Trần Duy Hưng là 22 giảng viên, cơ sở 2 TP Hồ Chí Minh là 8 giảng viên. Trong đó có 12 tiến sĩ, 02 NCS, còn lại đều có trình độ thạc sĩ.

Ngoài đội ngũ giảng viên cơ hữu giảng dạy các học phần thuộc khối kiến thức đại cương và cơ sở, Khoa đã bố trí 14 giảng viên có trình độ tiến sĩ tham gia giảng dạy các học phần thuộc ngành tài chính bảo hiểm, danh sách cụ thể tại Bảng 5.

Bảng 5. Đội ngũ giảng viên là điều kiện mở ngành Tài chính – Bảo hiểm

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy
1	Hoàng Bích Hồng , 1975, Trưởng khoa, giảng viên khoa Bảo hiểm	Tiến sĩ, Việt Nam, 2011	Kinh tế (Kinh tế bảo hiểm)	2002, Trường ĐHLĐXH
2	Nguyễn Thị Hữu Ái , 1978, Phó trưởng bộ môn, giảng viên khoa Bảo hiểm	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Tài chính Ngân hàng (Kinh tế bảo hiểm)	2006, Trường ĐHLĐXH
3	Trịnh Khánh Chi , 1984, giảng viên khoa Bảo hiểm	Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Tài chính - Ngân hàng	2008, Trường ĐHLĐXH
4	Hoàng Minh Tuấn , 1982, giảng viên khoa Bảo hiểm	Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Tài chính - Ngân hàng (Kinh tế bảo hiểm)	2007, Trường ĐHLĐXH
5	Phạm Đỗ Dũng , 1980, Phó trưởng khoa, giảng viên khoa Bảo hiểm	Tiến sĩ, Philippines, 2016	Quản trị kinh doanh	2008, Trường ĐHLĐXH
6	Phạm Hải Hưng , 1976, Phó trưởng khoa, giảng viên khoa Bảo hiểm	Tiến sĩ, Philippines, 2016	Quản trị kinh doanh	2003, Trường ĐHLĐXH

7	Mai Thị Hường , 1986, Phó trưởng bộ môn, giảng viên khoa Bảo hiểm	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Tài chính Ngân hàng (Kinh tế bảo hiểm)	2008, Trường ĐHLĐXH
8	Mai Thị Dung , 1986, giảng viên khoa Bảo hiểm	Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Quản lý kinh tế	2009, Trường ĐHLĐXH
9	Nguyễn Thị Vân Anh , 1980, giảng viên khoa Bảo hiểm	Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Kinh doanh Thương mại	2008, Trường ĐHLĐXH
10	Đỗ Thùy Dung , 1983, giảng viên khoa Bảo hiểm	Tiến sĩ, Philippines, 2016	Quản trị kinh doanh	2008, Trường ĐHLĐXH
11	Tôn Thất Viên , 1963, Giảng viên	Tiến sĩ, Việt Nam, 2009	Kinh tế	2014, Trường ĐHLĐXH, CSII
12	Lương Thị Huyền , 1982, giảng viên khoa Kế toán	Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Kinh tế (Tài chính - ngân hàng)	2006, Trường ĐHLĐXH
13	Ngô Thị Minh , 1987, giảng viên khoa Kế toán	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Kinh tế	2009, Trường ĐHLĐXH
14	Trần Anh Quang , 1987, Giảng viên khoa Kế toán	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Kế toán	2009, Trường ĐHLĐXH

1.2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, giáo trình phục vụ đào tạo

Trường Đại học Lao động - Xã hội có 03 cơ sở đào tạo: Trụ sở chính tại Hà Nội, cơ sở Sơn Tây và cơ sở II Thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích khoảng gần 20 ha. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được đầu tư đồng bộ và nâng cấp hàng năm. Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất, phòng học, giảng đường, trang thiết bị phục vụ cho việc đào tạo đại học, thạc sĩ và tiến sĩ, phòng tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học đạt tiêu chuẩn. Hiện nay tại 3 cơ sở trường có 155 phòng học lý thuyết với diện tích trung bình từ 80 đến 100m², 16 phòng thực hành các loại, 16 phòng máy tính với tổng số gần 700 máy tính được kết nối mạng LAN và mạng Internet phục vụ cho việc dạy và học. Nhà trường có đầy đủ cơ sở vật chất, phòng học, giảng đường, trang thiết bị phục vụ cho việc đào tạo các môn chuyên ngành của ngành Kiểm toán, cụ thể như sau:

Bảng 6. Thống kê cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập

STT	Loại phòng học (phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/ môn học
1	Phòng học từ	55	5.510	Điều hòa	6	Các học

	50m ² -100m ²			Amplý + loa +micro	60	phần lý thuyết thuần túy
				Máy tính	51	
				Máy chiếu	40	
				Màn chiếu	40	
				Ti vi	11	
				Bảng	60	
				Bàn ghế giáo viên	60	
				Bàn ghế học sinh	2291	
				Quạt trần	222	
				Quạt treo tường	81	
				đồng hồ	60	
2	Phòng học từ 100m ² -200m ²	22	4.620	Điều hòa	2	Các học phần hỗn hợp lý thuyết và thực hành
				Amplý + loa +micro	21	
				Máy tính	21	
				Máy chiếu	20	
				Màn chiếu	20	
				Ti vi	1	
				Bảng	21	
				Bàn ghế giáo viên	21	
				Bàn ghế học sinh	1040	
				Quạt trần	153	
				Quạt treo tường	21	
				đồng hồ	21	
3	Hội trường E701	1	342	Điều hòa	6	Các hoạt động sinh hoạt chung như chỉnh huấn đầu khóa, đầu năm học...
				Quạt cấp khí	1	
				Amplý	4	
				Loa	29	
				Bộ chia tín hiệu	1	
				Bộ trộn âm thanh	1	
				Bộ chia tín hiệu	1	

				Máy tạo khối	1	
				Đèn ánh sáng	28	
				Bộ nhận +micro	7	
				Bảng điện tử	1	
				Ti vi 65 ịch	6	
				Máy tính dự hình	1	
				Bàn chủ tịch và đại biểu	14	
				Ghế hội trường	334	

Bảng 7. Thống kê trang thiết bị của phòng máy vi tính phục vụ giảng dạy, học tập của trường

STT	Tên phòng thực hành	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/ môn học
1	Phòng máy tính E202.T2	90	Điều hòa	1	
			Máy tính	41	
			Máy chiếu	1	
			Màn chiếu	1	
			Bảng	1	
			Bàn ghế giáo viên	1	
			Bàn máy tính	40	
			ghế học viên	40	
			Quạt treo tường	5	
			đồng hồ	1	
2	Phòng máy tính E302.T3	90	Điều hòa	1	
			Máy tính	41	
			Máy chiếu	1	
			Màn chiếu	1	

STT	Tên phòng thực hành	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/ môn học
			Bảng	1	
			Bàn ghế giáo viên	1	
			Bàn máy tính	40	
			ghế học viên	40	
			Quạt treo tường	5	
			đồng hồ	1	
			Điều hòa	2	
			Máy tính	41	
			Máy chiếu	1	
3	Phòng máy tính E403	90	Màn chiếu	1	
			Bảng	1	
			Bàn ghế giáo viên	1	
			Bàn máy tính	40	
			ghế học viên	44	
			Quạt trần	4	
			Quạt treo tường	1	
			đồng hồ	1	
4	Phòng máy tính E404A	90	Điều hòa	2	
			Máy tính	41	
			Máy chiếu	1	
			Màn chiếu	1	
			Bảng	1	
			Bàn ghế giáo viên	1	
			Bàn máy tính	40	
			ghế học viên	56	
			Quạt trần	4	
			Quạt treo tường	1	

STT	Tên phòng thực hành	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/ môn học
			đồng hồ	1	
5	Phòng máy tính E404B	90	Điều hòa	1	
			Máy tính	41	
			Máy chiếu	1	
			Màn chiếu	1	
			Bảng	1	
			Bàn ghế giáo viên	1	
			Bàn máy tính	40	
			ghế học viên	39	
			Quạt treo tường	5	
			đồng hồ	1	
6	Phòng máy tính E501	90	Điều hòa	1	
			Máy tính	41	
			Máy chiếu	1	
			Màn chiếu	1	
			Bảng	1	
			Bàn ghế giáo viên	1	
			Bàn máy tính	40	
			ghế học viên	54	
			Quạt trần	4	
			Quạt treo tường	1	
7	Phòng máy tính E502	90	Điều hòa	1	
			Máy tính	41	
			Máy chiếu	1	
			Màn chiếu	1	
			Bảng	1	

STT	Tên phòng thực hành	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/ môn học
			Bàn ghế giáo viên	1	
			Bàn máy tính	40	
			ghế học viên	47	
			Quạt trần	4	
			Quạt treo tường	1	
			đồng hồ	1	
8	Phòng máy tính E503A	90	Điều hòa	1	
			Máy tính	41	
			Máy chiếu	1	
			Màn chiếu	1	
			Bảng	1	
			Bàn ghế giáo viên	1	
			Bàn máy tính	40	
			ghế học viên	45	
			Quạt trần	4	
			Quạt treo tường	1	
			đồng hồ	1	
9	Phòng máy tính E503B	90	Điều hòa	1	
			Máy tính	41	
			Máy chiếu	1	
			Màn chiếu	1	
			Bảng	1	
			Bàn ghế giáo viên	1	
			Bàn máy tính	40	
			ghế học viên	49	
			Quạt trần	4	
			Quạt treo tường	1	

STT	Tên phòng thực hành	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/ môn học
			đồng hồ	1	

Thư viện tại 3 cơ sở có phòng đọc đảm bảo 1500 chỗ ngồi, với hơn 100.000 đầu sách và hàng trăm loại báo chí chuyên ngành phục vụ cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên. Tài liệu phục vụ ngành Kiểm toán gồm các giáo trình, bài giảng về Kiểm toán, Kế toán, Tài chính, Ngân hàng, ... các sách tham khảo từ công trình nghiên cứu của các chuyên gia trong và ngoài nước, các tạp chí kinh tế, các luận án kinh tế và các đề tài nghiên cứu khoa học,... Hiện nay, thư viện Nhà trường đang thực hiện đề án Thư viện điện tử để nâng cấp thư viện và tăng cường khả năng, chất lượng khai thác thông tin cho sinh viên.

Bảng 8. Danh mục giáo trình các môn chuyên ngành của ngành Tài chính - Bảo hiểm

Số TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
1	Giáo trình Bảo hiểm	PGS.TS Đặng Văn Dân	Tài chính	2018	Kinh tế bảo hiểm
2	Giáo trình Tài chính - Tiền tệ	PGS.TS Nguyễn Văn Định	Tài chính	2011	Tài chính tiền tệ
3	Giáo trình Tài chính - Tiền tệ	PGS.TS Nguyễn Văn Định	Tài chính	2011	Thị trường chứng khoán
4	Giáo trình Phân tích tài chính doanh nghiệp bảo hiểm	PGS.TS. Hoàng Trần Hậu	Tài chính	2010	Phân tích tài chính bảo hiểm
5	Giáo trình Bảo hiểm nhân thọ	PGS.TS Đoàn Minh Phụng	Tài chính	2010	Bảo hiểm nhân thọ
6	Giáo trình Bảo hiểm phi nhân thọ	PGS.TS Đoàn Minh Phụng	Tài chính	2010	Bảo hiểm phi nhân thọ
7	Giáo trình Nguyên lý bảo hiểm	PGS.TS Phan Thị Cúc	Thống kê	2008	Nguyên lý bảo hiểm
8	Giáo trình Quản trị kinh doanh	PGS.TS Nguyễn Văn Định	Lao động – Xã hội	2010	Quản trị kinh doanh bảo hiểm

	bảo hiểm				
9	Giáo trình Bảo hiểm thương mại	PGS.TS Nguyễn Văn Định	Lao động - Xã hội	2007	Tái bảo hiểm
10	Giáo trình Quản trị kinh doanh bảo hiểm	PGS.TS Nguyễn Văn Định	Lao động - xã hội	2010	Quản lý đại lý bảo hiểm
11	Giáo trình Bảo hiểm thương mại	PGS.TS Nguyễn Văn Định	Lao động – Xã hội	2007	Tổ chức quản lý các DNBH
12	Giáo trình Bảo hiểm thất nghiệp	TS. Phạm Đỗ Dũng, TS. Phạm Hải Hưng	Lao động – Xã hội	2020	Bảo hiểm thất nghiệp
13	Giáo trình Kinh tế đầu tư	PGS.TS. Từ Quang Phương PGS.TS. Phạm Văn Hùng	Đại học KTQD	2012	Kinh tế đầu tư;
14	Giáo trình Kinh tế đầu tư	PGS.TS. Từ Quang Phương PGS.TS. Phạm Văn Hùng	Đại học KTQD	2012	Đầu tư tài chính
15	Bảo hiểm: Nguyên tắc và thực hành	David Bland	Tài chính	2004	Định phí bảo hiểm
16	Giáo trình Lập và thẩm định dự án đầu tư	PGS.TS Nguyễn Bạch Tuyết; PGS.TS Từ Quang Phương; PGS.TS Nguyễn Ngọc Mai	Đại học KTQD	2008	Thẩm định dự án đầu tư
17	Giáo trình Quản trị tài chính doanh nghiệp	PGS.TS Dương Đức Lân	Tài chính	2007	Quản trị tài chính doanh nghiệp
18	Giáo trình Toán tài chính	Nguyễn Ngọc Định	Thống kê	2004	Định phí bảo hiểm
19	Fundamentals of risk and insurance	Therese M Vaughan, Emmett J Vaughan,		2015	Định phí bảo hiểm
20	Giáo trình Bảo hiểm xã hội	TS. Hoàng Bích Hồng	Trường ĐH LDXH (Lưu hành nội bộ)	2020	Nghị vụ bảo hiểm;
21	Giáo trình Bảo hiểm xã hội	TS. Hoàng Bích Hồng	Trường ĐH LDXH (Lưu hành nội bộ)	2020	Bảo hiểm hưu trí

			bộ)		
22	Giáo trình Quản trị bảo hiểm xã hội	TS Phạm Đỗ Dũng - TS Mai Thị Dung	Trường ĐH LĐXH (Lưu hành nội bộ)	2020	Quản trị bảo hiểm xã hội
23	Quản trị rủi ro	TS. Mai Thị Hương – TS. Đỗ Thùy Dung	Trường ĐH LĐXH (Lưu hành nội bộ)	2019	Quản trị rủi ro
24	Giáo trình Nguyên lý kế toán	PGS.TS Nghiêm Văn Lợi	Tài chính	2010	Nguyên lý kế toán
25	Giáo trình Kế toán tài chính	PGS.TS Nghiêm Văn Lợi	Tài chính	2007	Kế toán tài chính
26	Giáo trình Thị trường chứng khoán	Nguyễn Thị Minh Huệ, Lê Thị Hương Lan	Đại học KTQD	2019	Thị trường chứng khoán
27	Giáo trình Tài chính tiền tệ	PGS.TS Nguyễn Văn Định	Tài chính	2007	Tín dụng và thanh toán
28	Giáo trình lý thuyết bảo hiểm	Võ Thị Pha	Tài chính	2010	Nguyên lý bảo hiểm
29	Kinh tế đầu tư	TS. Lục Mạnh Hiện, TS. Hoàng Bích Hồng	Lao động xã hội	2011	Đầu tư tài chính bảo hiểm
30	Lập và thẩm định dự án đầu tư	Nguyễn Bạch Tuyết	Đại học KTQD	2014	Thẩm định dự án đầu tư

Bảng 9. Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành Tài chính – Bảo hiểm

Số TT	Tên sách chuyên khảo/ tạp chí	Tên tác giả, Đơn vị xuất bản	Nhà xuất bản, số, tập, năm xuất bản	Sử dụng cho môn học/ học phần
	Sách chuyên khảo			
1.	Tiền và hoạt động ngân hàng	Lê Vinh Danh	NXB Giao thông vận tải, 2009	Các môn cơ sở và chuyên ngành
2.	Tiền tệ ngân hàng	Nguyễn Minh Kiều	NXB Thống kê, 2006	Các môn cơ sở và chuyên ngành

3.	Tài chính doanh nghiệp	Nguyễn Đình Kiệm, Bạch Đức Hiền	NXB Tài chính, 2011	Các môn cơ sở và chuyên ngành
4.	Tài chính doanh nghiệp	Lưu Thị Hương	NXB Thống kê, 2003	Các môn cơ sở và chuyên ngành
5.	Tài chính doanh nghiệp hiện đại	Trần Ngọc Thơ	NXB Thống kê, 2003	Các môn cơ sở và chuyên ngành
6.	Fundamentals of Actuarial Mathematics	David Prosmilow	Wiley, 2015	Các môn cơ sở và chuyên ngành
7.	Fundamentals of risk and insurance	Therese M Vaughan, Emmett J Vaughan	Wiley, 2015	Các môn cơ sở và chuyên ngành
8.	Principles of Insurance: Life, Health and Annuities	Hariett E. Jones, and Dani L. Long	Life Management Institute LOMA Atlanta, Georgia, 2005	Các môn cơ sở và chuyên ngành
9.	Quản trị tài chính	Eugene F. Briham, Joe F. Houston	Cengage Learning Asia, 2009	Các môn cơ sở và chuyên ngành
10.	Thị trường chứng khoán	Bùi Kim Yến	NXB Thống kê, 2007	Các môn cơ sở và chuyên ngành
Tạp chí				
11.	Tạp chí Lao động – Xã hội	Bộ LĐTBXH	Hàng tháng	Các môn cơ sở và chuyên ngành
12.	Tạp chí Bảo hiểm xã hội	Bộ LĐTBXH	Hàng tháng	Các môn cơ sở và chuyên ngành
13.	Tạp chí Tài Chính	Bộ Tài Chính	Hàng tháng	Các môn cơ sở và chuyên ngành
14.	Tạp chí Kế toán	Bộ Tài chính	Hàng tháng	
15.	Tạp chí Kinh tế dự báo	Bộ Kế hoạch và đầu tư	Hàng tháng	Các môn cơ sở và chuyên ngành
16.	Tạp chí An sinh và nguồn nhân lực	Trường Đại học LĐXH	Hàng tháng	Các môn cơ sở và chuyên ngành
17.	Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội	Viện Hàn Lâm Khoa học Xã hội	2021	Các môn cơ sở và chuyên ngành

Trang thông tin điện tử của Trường Đại học Lao động - Xã hội tại địa chỉ: <http://www.uls.edu.vn/> được cập nhật thường xuyên, công bố công khai cam kết chất lượng giáo dục và kết quả kiểm định chất lượng giáo dục, cũng như những thông tin khác cần công khai theo quy định. Cụ thể như sau:

1. Công khai cam kết chất lượng đào tạo của Trường Đại học Lao động - Xã hội tại địa chỉ:

[http://www.uls.edu.vn/uploads/file/Nam2020/BaCongKhai2020/Bi_u%20m_u%2017\(1\).pdf](http://www.uls.edu.vn/uploads/file/Nam2020/BaCongKhai2020/Bi_u%20m_u%2017(1).pdf)

2. Công khai chất lượng đào tạo thực tế của Trường Đại học Lao động - Xã hội tại địa chỉ:

<http://www.uls.edu.vn/uploads/file/Nam2020/BaCongKhai2020/Bieu%20mau%20so%2018%20Cong%20khai%20TT%20CLDT%20thuc%20te%20DH%20LDXH%2018-2019.pdf>

3. Công khai cơ sở vật chất của Trường Đại học Lao động - Xã hội tại địa chỉ:

[http://www.uls.edu.vn/uploads/file/Nam2020/BaCongKhai2020/Bi_u%20m_u%2019\(2\).pdf](http://www.uls.edu.vn/uploads/file/Nam2020/BaCongKhai2020/Bi_u%20m_u%2019(2).pdf)

4. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường Đại học Lao động - Xã hội tại địa chỉ:

[http://www.uls.edu.vn/uploads/file/Nam2020/BaCongKhai2020/Bi_u%20m_u%2020\(1\).pdf](http://www.uls.edu.vn/uploads/file/Nam2020/BaCongKhai2020/Bi_u%20m_u%2020(1).pdf)

5. Công khai tài chính của của Trường Đại học Lao động - Xã hội tại địa chỉ:

[http://www.uls.edu.vn/uploads/file/Nam2020/BaCongKhai2020/Bi_u%20m_u%2021\(1\).pdf](http://www.uls.edu.vn/uploads/file/Nam2020/BaCongKhai2020/Bi_u%20m_u%2021(1).pdf)

1.3. Về hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

- Nghiên cứu khoa học

Từ năm 2016 đến nay Trường Đại học Lao động – Xã hội đã thực hiện nghiên cứu 327 đề tài, trong đó có 01 đề tài cấp Nhà nước và 21 đề tài cấp Bộ; Trường đã biên soạn, biên dịch được 202 giáo trình, tài liệu; Trường có 1026 bài đăng tạp chí, trong đó có 143 bài đăng tạp chí quốc tế (59 bài đăng trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục Scopus hoặc ISI); Trường có 1056 bài đăng kỷ yếu hội thảo, trong đó có 169 bài đăng kỷ yếu hội thảo quốc tế. Hiện nay trường đang thực hiện 01 đề tài NCKH cấp nhà nước thuộc Ủy ban Dân tộc chuẩn bị nghiệm thu.

Những công trình khoa học đã góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ, giảng viên trong Trường.

Bảng 10. Kết quả nghiên cứu khoa học giai đoạn 2016-2020 của Trường Đại học Lao động - Xã hội

Số TT	Nội dung	Số lượng		Số lượng
		Tổng	Khoa Bảo hiểm	
1.	Đề tài	372	40	
	Đề tài cấp Nhà nước	01	0	
	Đề tài cấp Bộ	21	01	
	Đề tài cấp Trường	350	39	
2.	Giáo trình, tài liệu	202	41	
3.	Bài đăng tạp chí	1026	89	
	Bài đăng tạp chí trong nước	883	86	
	Bài đăng tạp chí quốc tế (tổng)	143	3	
	Bài đăng tạp chí quốc tế (đăng trên tạp chí thuộc danh mục Schopus hoặc ISI)	59	1	
4.	Bài đăng kỷ yếu hội thảo	1056	166	
	Bài đăng kỷ yếu hội thảo trong nước	887	162	
	Bài đăng kỷ yếu hội thảo quốc tế	169	4	

Công tác NCKH của Khoa Bảo hiểm cũng đã đạt được những kết quả rất tốt. Trong giai đoạn 2016-2020, đội ngũ giảng viên của khoa đã thực hiện 40 đề tài trong đó có 01 đề tài cấp bộ, 39 đề tài cấp Trường; biên soạn được 41 giáo trình, tài liệu; Viết 86 bài đăng trên các tạp chí trong nước, 4 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế, 1 bài đăng trên tạp chí thuộc danh mục Scopus hoặc ISI; Khoa cũng đã có 162 bài đăng kỷ yếu hội thảo trong nước và 4 bài viết được đăng trong kỷ yếu hội thảo quốc tế.

Ngoài việc chủ trì thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Lao động - Xã hội cũng hợp tác với một số bộ ngành trong nước và các tổ chức quốc tế, các trường đại học nước ngoài để thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học như hợp tác

với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện nghiên cứu hoàn thiện hệ thống chính sách giảm nghèo cho lao động ngành thủy sản; hợp tác với UNICEF thực hiện các nghiên cứu về nghèo đói, HIV, lao động trẻ em...; hợp tác với đại học Regina của Canada, Yonsei của Hàn Quốc để thực hiện các nghiên cứu về Công tác xã hội, người Việt nam đi lao động ở nước ngoài... Trong những năm gần đây, Nhà trường đã phối hợp với một số địa phương như Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương Hà Nội, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Lai Châu để thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu và hội thảo khoa học cấp tỉnh/thành phố. Nhiều giảng viên của Trường đã và đang hợp tác với nhiều viện nghiên cứu, trường đại học ở khu vực miền bắc để thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, nhiều giảng viên của trường, với tư cách cá nhân, đã và đang tham gia tư vấn cho các doanh nghiệp về những vấn đề liên quan đến tổ chức lao động, định mức lao động, xây dựng quy chế trả lương, an toàn - vệ sinh lao động, bảo hiểm xã hội, ...

- Hợp tác quốc tế:

Trong những năm qua, trường có quan hệ hợp tác với hơn 30 tổ chức và trường đại học trên thế giới như: Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc (UNICEF), Tổ chức Lao động thế giới (ILO), Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ Vi nhân dân châu Á – Thái Bình Dương (AFAP), Quỹ Quốc tế Singapore, các tổ chức: Actoin Aid, CIDA (Canada), Caritas (Đức), WWO (Hoa Kỳ), CFSI; Trường Đại học Memorial (Canada), Đại học Phụ nữ Philipin, ... Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hợp tác đào tạo trình độ thạc sĩ Quản trị nhân lực với trường đại học Limkokwing của Malaysia; tham gia nhiều dự án hợp tác, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lao động do chính phủ và một số tổ chức quốc tế tài trợ như dự án SIIR về quan hệ lao động, dự án Canada pha 2 về tăng cường năng lực cho giảm nghèo thông qua đào tạo... Các dự án tài trợ, hợp tác quốc tế đã mang lại nhiều cơ hội cho Nhà trường và góp phần nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ giảng viên trong việc học tập, giảng dạy, nghiên cứu, các hoạt động thực tiễn... Cũng từ đó, vị thế của Trường Đại học Lao động - Xã hội cũng từng bước được nâng cao.

Các dự án về chuyển giao công nghệ điều trị nghiện chất phòng, chống HIV do Đại học California, Los Angles (UCLA) tài trợ từ nguồn kinh phí của Cục quản lý dịch vụ điều trị nghiện chất và sức khỏe tâm thần (SAMHSA) và dự án Thúc đẩy hòa nhập của người khuyết tật do Tổ chức Caritas tài trợ. Các dự án đã hỗ trợ nâng cao năng lực cho đội ngũ giảng viên về lĩnh vực hòa nhập cho người khuyết tật, điều trị nghiện ma túy, mở rộng mạng lưới và mối quan hệ hợp tác giữa Trường với các cơ sở cai nghiện trong nước

và các viện nghiên cứu và trường đại học trong và ngoài nước trong lĩnh vực điều trị nghiện ma túy.

III. TÓM TẮT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO **NGÀNH TÀI CHÍNH – BẢO HIỂM** *(bao gồm cả đối tượng và điều kiện tuyển sinh, dự kiến tuyển sinh trong 3 năm đầu)*

1. THÔNG TIN CHUNG:

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo:

Tên ngành đào tạo:

- Tên tiếng Việt: **Tài chính – Bảo hiểm**

- Tên tiếng Anh: **Finance - Insurance**

Trình độ đào tạo: Đại học chính quy.

Thời gian đào tạo: 4 năm.

Tên văn bằng tốt nghiệp:

- Tên tiếng Việt: Cử nhân Tài chính – Bảo hiểm

- Tên tiếng Anh: **Bachelor of Finance and Insurance**

1.2. Mục tiêu đào tạo:

1.2.1. Mục tiêu tổng quát (Program general goals)

Chương trình đào tạo cử nhân Tài chính – Bảo hiểm nhằm đào tạo sinh viên có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững các kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, chính trị, an ninh quốc phòng và kiến thức nền tảng về tài chính - bảo hiểm nhằm giúp người học có tư duy hệ thống logic, khả năng chuyển tải kiến thức thành những kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng nghiên cứu, phân tích, phản biện và tư vấn, kỹ năng giao tiếp và thiết lập những mối quan hệ thành công trong các lĩnh vực tài chính – bảo hiểm; kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực tài chính - bảo hiểm, bước đầu hình thành năng lực phát triển nghề nghiệp. Có khả năng lập luận, phân tích các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực tài chính và bảo hiểm, bao gồm phân tích, đánh giá các xu hướng của hoạt động kinh doanh bảo hiểm và thị trường tài chính bảo hiểm, tái cấu trúc hệ thống doanh nghiệp bảo hiểm và các tổ chức trung gian tài chính ở Việt Nam. Đồng thời có tư duy nghiên cứu độc lập, có năng lực tự bổ sung kiến thức và tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu của công việc; có kỹ năng tin học, tiếng anh giao tiếp và chuyên môn thành thạo.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể (Program specific goals)

- Về kiến thức:

PO1: Cử nhân Tài chính – bảo hiểm được trang bị hệ thống kiến thức cơ bản về tài chính, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thương mại, quản trị kinh doanh bảo hiểm, tái bảo hiểm, đầu tư tài chính bảo hiểm; có kiến thức chuyên sâu và hiện đại về tài chính và bảo hiểm trong nền kinh tế thị trường; có kiến thức về công cụ và phương pháp vận dụng lý thuyết về tài chính bảo hiểm trong hoạt động thực tiễn phù hợp với điều kiện môi trường cụ thể.

- *Về kỹ năng:*

PO2: Kỹ năng thực hành nghề nghiệp: Nắm vững và vận dụng được các kỹ năng phân tích tài chính bảo hiểm, đầu tư tài chính, thẩm định tài chính dự án đầu tư cũng như các kỹ năng về quản trị rủi ro tài chính nói chung và quản trị rủi ro tài chính bảo hiểm nói riêng; kỹ năng quản trị kinh doanh bảo hiểm và quản trị bảo hiểm xã hội. Ngoài ra, sinh viên có thể thành thạo trong việc thực hiện các kỹ năng về nghiệp vụ trong lĩnh vực tài chính – bảo hiểm như tư vấn, giải quyết chế độ, chính sách bảo hiểm; kỹ năng định phí bảo hiểm cơ bản.

PO3: Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm và khả năng hình thành, phát triển và lãnh đạo nhóm để giải quyết hiệu quả công việc.

PO4: Có đầy đủ kỹ năng giao tiếp, tư vấn, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn.

PO5: Người học có ngoại ngữ Tiếng anh TOEIC đạt 400 và có khả năng sử dụng ngoại ngữ hiệu quả trong công việc; có kỹ năng tìm kiếm thông tin, dữ liệu và khả năng xử lý số liệu thông qua các phần mềm chuyên dụng phục vụ cho công việc chuyên môn.

PO6: Có năng lực học tập, nghiên cứu, phát triển bản thân, có tư duy hệ thống và độc lập.

- *Về thái độ*

PO7: Có phẩm chất chính trị, tuân thủ pháp luật và có sức khỏe tốt.

PO8: Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; có tinh thần hợp tác.

1.3. Tiêu chí tuyển sinh và các yêu cầu đầu vào:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Lao động - Xã hội.

1.4. Điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Thực hiện theo Quyết định số: /QĐ-ĐHLDXH ngày / / về việc ban hành Chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ đại học, hệ chính quy, khóa tuyển sinh 20....

2. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Khối lượng kiến thức:

Kiến thức toàn khóa học: 121 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy.
Trong đó:

Khối kiến thức và lập luận về ngành		Số tín chỉ	Tỷ lệ %
1.1	Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành	16	11,76
1.2	Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi	12	8,82
1.3	Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ	74	54,41
1.4	Kiến thức nền tảng rộng	24	17,65
1.4.1	Khoa học tự nhiên	7	5,14
1.4.2	Khoa học chính trị	11	8,09
1.4.3	Pháp luật	2	1,47
1.4.4	Tin học	4	2,94
1.5	Kiến thức khác ngành	2	1,47
1.6	Kiến thức đại cương khác	8	5,88
1.6.1	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	8	5,88
1.6.2	Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy		
1.6.3	Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy		
Tổng cộng:		136	100%

2.2. Khung chương trình:

ĐT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP Trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	L T	TH/TN	ĐA	T T		
1.1 Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành				16						
1.1.1	Các học phần bắt buộc			12						
1.1.1.1	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	Microeconomic	3	3					
1.1.1.2	VĩMO0523H	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomic	3	3					
1.1.1.3	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	Statistical principles	2	2				TCC1112 2L, TCC2112 2L	
1.1.1.4	LKTE1022H	Luật Kinh tế	Economic law	2	2					
1.1.1.5	MARC0522 H	Marketing căn bản	Basic marketing	2	2					
1.1.2	Các học phần tự chọn (chọn 2/4)			4						
1.1.2.1	KTLU1122H	Kinh tế lượng	Econometric	4	2					
1.1.2.2	VHDN0522 H	Văn hóa doanh nghiệp	Corporate Culture		2					
1.1.2.3	NLTL0222H	Nguyên lý tiền lương	Salary principles		2					
1.1.2.4	KTPT0522H	Kinh tế phát triển	Economic Development		2					
1.2 Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi				12						
1.2.1	Các học phần bắt buộc			12						
1.2.1.1	NLBH0422H	Nguyên lý bảo hiểm	The principle of	2	3					

			insurance							
1.2.1.2	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	Accounting Principles 1	2	2					
1.2.1.3	ĐTXH0322H	Điều tra XHH	Sociological survey	2	2					
1.2.1.4	KTĐT0422H	Kinh tế đầu tư	Investment Economics	2	2					
1.2.1.5	QTRR0422H	Quản trị rủi ro	Risk Management	2	2					
1.2.1.6	TCB10422H	Tài chính bảo hiểm 1	Insurance Finance 1	2	2					
1.3 Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ				59						
1.3.1	<i>Các học phần bắt buộc</i>			45						
1.3.1.1	TCDN0123H	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Corporate Finance Management	3	3					
1.3.1.2	TCB20422H	Tài chính bảo hiểm 2	Insurance Finance 2	2	2					
1.3.1.3	PNT10422H	Bảo hiểm phi nhân thọ 1	Non – life insurance 1	2	2					
1.3.1.4	BHNT0422H	Bảo hiểm nhân thọ	Life insurance	2	2					
1.3.1.5	KDB10422H	Quản trị kinh doanh bảo hiểm 1	Insurance business management 1	2	2					
1.3.1.6	KDB20422H	Quản trị kinh doanh bảo hiểm 2	Insurance business management 2	2	2					
1.3.1.7	NVBH0422H	Nghệp vụ BHXH	Short - term social insurance	2	2					
1.3.1.8	BHHT0423H	Bảo hiểm hưu trí	Pension insurance	3	3					
1.3.1.9	RRTC0123L	Quản trị rủi ro tài chính	Financial risk management	3	3					
1.3.1.10	TTTC0123L	Thị trường tài chính	Financial markets	3	3					
1.3.1.11	TDDA0422H	Thẩm định dự án đầu tư	Investment projects Appraise	2	2					
1.3.1.12	PTBH0423H	Phân tích tài chính bảo hiểm	Financial Insurance Analysis	3	3					

1.3.1.13	GĐBT0422L	Giám định bồi thường bảo hiểm	Insurance claims handling	2	2					
1.3.1.14	PNT20422H	Bảo hiểm phi nhân thọ 2	Non – life insurance 2	2	2					
1.3.1.15	TCDN0422L	Tổ chức quản lý các DNBH	Insurance enterprises management	2	2					
1.3.1.16	TBHI0422L	Tái bảo hiểm	Reinsurance	2	2					
1.3.1.17	KTC10123H	Kế toán tài chính 1	Financial Accounting 1	3	3					
1.3.1.18				2	2					
1.3.1.19	TCQT0123L	Tài chính quốc tế	International finance	3	3					
1.3.1.20	BHTN0422H	Bảo hiểm Thất nghiệp	Unemployment Insurance	2						
1.3.1.21	ĐTTC0423L	Đầu tư tài chính	Financial Investment	3						
1.3.1.22	BHKT0423L	Kế toán doanh nghiệp bảo hiểm	Accounting for Insurance Enterprise	3						
1.3.1.23	PTTC0423L	Phân tích tài chính doanh nghiệp	Financial Analysis of Company	3						
1.3.1.24	TNBH0422H	Bảo hiểm trách nhiệm	Liability insurance	2						
1.3.1.25	ĐTCK0122L	Phân tích đầu tư chứng khoán	Analysis of investment securities	2						
1.3.1.26	QLĐL0422L	Quản lý đại lý bảo hiểm	Agent insurance management	2						
1.3.2	Học phần tự chọn (chọn 2/4)			4						
1.3.2.1	BHTG0422H	Bảo hiểm tiền gửi	Deposit insurance	4	2					

1.3.2.2	ĐPBH0422H	Định phí sản phẩm bảo hiểm	Insurance Actuary		2					
1.3.2.3	BHYT0422H	Bảo hiểm y tế	Public Health Insurance		2					
1.3.2.4	QTBH0422H	Quản trị bảo hiểm xã hội	Social Insurance Management		2					
1.3.3	TTCK0524T	Thực tập cuối khóa	End-of-course Internship	4				4		
1.3.4	Học phần thay thế hoặc Khóa luận tốt nghiệp (Sinh viên viết Khóa luận hoặc học 2 học phần thay thế)			6						
1.3.4.1	ĐTBH0423L	Đầu tư tài chính bảo hiểm	Financial Insurance Investment	3	3					
1.3.4.2	KTBH0422H	Kinh tế bảo hiểm	Insurance Economics	3	3					
1.3.4.3	KLTN0526T	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	6			6			
1.4 Kiến thức nền tảng rộng				24						
1.4.1 Khoa học tự nhiên				7						
1.4.1.1	TCC11122L	Toán cao cấp 1	Advanced Math 1	2	2					
1.4.1.2	TCC21122L	Toán cao cấp 2	Advanced Math 2	2	2					
1.4.1.3	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và TK toán	Probability theory and Mathematical Statistics	3	3					
1.4.2 Khoa học chính trị				11						
1.4.2.1	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	Marxist - Leninist philosophy	3	3					
1.4.2.2	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Marxist - Leninist political economy	2	2					
1.4.2.3	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	Ho Chi Minh Thought	2	2					
1.4.2.4	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản	History of the	2	2					

		Việt Nam	Communist Party of Vietnam							
1.4.2.5	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science socialism	2	2					
1.4.3 Pháp luật				2						
1.4.3.1	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	General law	2	2					
1.4.4 Tin học				4						
1.4.4.1	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	Basic informatics 1	2	2					
1.4.1.2	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	Basic informatics 2	2	2					
1.5 Kiến thức khác ngành				2						
1.5.1	Học phần tự chọn (chọn 1/4)			2						
1.5.1.1	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	Drafting business documents	2	2					
1.5.1.2	NCKH0722L	Phương pháp luận NCKH	Scientific research methodology		2					
1.5.1.3	LOGI0722L	Logic học	Logic Theory		2					
1.5.1.4	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	General Psychology		2					
1.6 Kiến thức đại cương khác				8						
1.6.1 Ngoại ngữ				8						
1.6.1.1	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	Basic English 1	2	2					
1.6.1.2	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	Basic English 2	3	3				TAC10622H	
1.6.1.3	TAKD0622H	Tiếng Anh chuyên ngành TCBH	Specialized English in finance – Insurance	3	2					
1.6.2. Giáo dục thể chất (3 TC)				3		3				
1.6.3. Giáo dục quốc phòng (165 tiết)										
Tổng cộng				121						

2.3 Kế hoạch giảng dạy dự kiến:

TT	Môn học	Số TC	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV	
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII
	Học kỳ									
1	Kinh tế vi mô	3		3						
2	Kinh tế vĩ mô	3			3					
3	Nguyên lý thống kê	2		2						
4	Luật Kinh tế	2				2				
5	Marketing căn bản	2			2					
6	Nguyên lý kế toán 1	2			2					
7	Nguyên lý bảo hiểm	2			2					
8	Điều tra xã hội học	2			2					
9	Kinh tế đầu tư	2				2				
10	Quản trị rủi ro	2				2				
11	Tài Chính bảo hiểm 1	2				2				
12	Văn hóa doanh nghiệp	4			4					
13	Kinh tế lượng									
14	Nguyên lý tiền lương									
15	Kinh tế phát triển									
16	Đầu tư tài chính	3							3	
17	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3					3			
18	Tài chính bảo hiểm 2	2					2			
19	Bảo hiểm phi nhân thọ 1	2					2			
20	Bảo hiểm nhân thọ	2						2		
21	Tổ chức quản lý DNBH	2							2	
22	Quản trị kinh doanh bảo hiểm 1	2					2			
23	Quản trị kinh doanh bảo hiểm 2	2						2		

25	Nghệp vụ bảo hiểm xã hội	2				2				
26	Bảo hiểm hưu trí	3					3			
27	bảo hiểm thất nghiệp	2				2				
28	Kế toán DNBH	3						3		
29	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3					3			
30	Quản trị rủi ro tài chính	3							3	
31	Thị trường tài chính	3					3			
32	Thẩm định dự án đầu tư	2					2			
33	Phân tích tài chính bảo hiểm	3							3	
34	Giám định bồi thường bảo hiểm	2						2		
35	Bảo hiểm phi nhân thọ 2	2						2		
36	Bảo hiểm trách nhiệm	2							2	
37	Quản lý đại lý bảo hiểm	2							2	
38	Tái bảo hiểm	2						2		
39	Kế toán tài chính 1	3						3		
40	phân tích đầu tư chứng khoán	2						2		
41	Tài chính quốc tế	3				3				
42	Bảo hiểm tiền gửi	4							4	
43	Bảo hiểm y tế									
44	quản trị bxxh									
45	Định phí sản phẩm bảo hiểm									
46	Thực tập cuối khóa	4								4
47	Đầu tư tài chính bảo hiểm	3								3

48	Kinh tế bảo hiểm	3								3
49	Khóa luận tốt nghiệp	0								0
50	Toán cao cấp 1	2	2							
51	Toán cao cấp 2	2		2						
52	Lý thuyết xác suất và TK toán	3			3					
53	Triết học Mác - Lênin	3	3							
54	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		2						
55	Tư tưởng Hồ chí Minh	2	2							
56	Lịch sử Đảng Cộng sản VN	2		2						
57	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2							
58	Pháp luật đại cương	2		2						
59	Tin học cơ bản 1	2	2							
60	Tin học cơ bản 2	2		2						
61	Soạn thảo văn bản	2			2					
62	Phương pháp luận NCKH									
63	Logic học									
64	Tâm lý học đại cương									
65	Tiếng Anh cơ bản 1	2	2							
66	Tiếng Anh cơ bản 2	3		3						
67	Tiếng Anh chuyên ngành TCBH	3				3				
68	Giáo dục thể chất	3	3							
69	An ninh quốc phòng (165 tiết)									
70	TỔNG	136	13	18	20	18	20	18	19	10

2.4. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần:

1. Kinh tế vi mô

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản liên quan đến hành vi của người sản xuất và người tiêu dùng như: Lý thuyết cung cầu hàng hóa và dịch vụ; Độ co giãn của cung và cầu; Lý thuyết hành vi người tiêu dùng, người sản xuất; Các cấu trúc thị trường.

2. Kinh tế vĩ mô

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản khi xem xét nền kinh tế của quốc gia: Mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như GDP, GNP, giá cả, lạm phát, việc làm và tình trạng thất nghiệp, tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu của chính phủ và thuế, cung cầu tiền, lãi suất, thâm hụt hay thặng dư thương mại,...

3. Nguyên lý thống kê

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này bao gồm các nội dung sau: Những vấn đề chung của Thống kê học; Thu Thập dữ liệu Thống kê; Tổng hợp Thống kê; Nghiên cứu đặc điểm, bản chất của hiện tượng kinh tế - xã hội; Phân tích hiện tượng KT-XH theo thời gian; Phân tích biến động của hiện tượng KT-XH bằng phương pháp chỉ số.

4. Luật kinh tế

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Địa vị pháp lý các chủ thể kinh doanh; Pháp luật về cạnh tranh trong kinh doanh; Pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh; Pháp luật về phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

5. Marketing căn bản

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing, ảnh hưởng của marketing trong doanh nghiệp, xu hướng phát triển và ứng dụng của Marketing trong xu thế toàn cầu hóa, môi trường và thông tin về marketing; Đặc tính và hành vi của khách hàng, phân đoạn thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị hàng hóa trên thị trường; Bốn công cụ chủ yếu trong hoạch định, tổ chức và thực hiện một chương trình marketing hỗn hợp.

6. Nguyên lý kế toán 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản của nguyên lý kế toán như khái niệm, bản chất, chức năng vai trò của kế toán, yêu cầu đối với thông tin kế toán, các nguyên tắc kế toán và phân loại đối tượng kế toán; Các phương tiện kế toán như Chứng từ kế toán, tài khoản kế toán và hệ thống Báo cáo kế toán.

7. Nguyên lý bảo hiểm

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Những vấn đề lý luận chung về bảo hiểm; Cơ sở kỹ thuật cơ bản trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm; Pháp luật về kinh doanh bảo hiểm; Tổ chức hoạt động kinh doanh bảo hiểm; Hợp đồng bảo hiểm; Thị trường bảo hiểm.

8. Điều tra xã hội học

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần đi sâu vào ứng dụng thực nghiệm thông qua các vấn đề xã hội để trang bị cho sinh viên những kiến thức về trình tự các bước tiến hành của một cuộc điều tra xã hội học và những đặc trưng cơ bản của nó.

9. Kinh tế đầu tư

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Khái quát chung về giới thiệu về tổ chức và lý thuyết tổ chức; Mục tiêu, chiến lược và thiết kế cấu trúc tổ chức; Các yếu tố hệ thống bên ngoài tổ chức; Các yếu tố bên trong tổ chức ảnh hưởng tới thiết kế tổ chức; Quản lý quá trình hoạt động của tổ chức: Nghiên cứu sự đổi mới và các thay đổi trong tổ chức.

10. Quản trị rủi ro

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về: Cơ sở, quá trình hình thành hoạt động kinh tế quốc tế; Hệ thống những lý thuyết về thương mại quốc tế, di chuyển các nguồn lực quốc tế, cán cân thanh toán và thị trường tiền tệ quốc tế, liên kết và hội nhập quốc tế; Các hoạt động kinh tế quốc tế của Việt Nam.

11. tài chính bảo hiểm 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về tiền tệ; Tổng quan về tài chính; Ngân sách nhà nước; Tài chính doanh nghiệp; Thị trường tài chính; Các định chế tài chính trung gian; Tín dụng và lãi suất.

12. Văn hóa doanh nghiệp

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về văn hóa doanh nghiệp; Các yếu tố ảnh hưởng tới văn hóa doanh nghiệp; Các biểu hiện của văn hóa doanh nghiệp và các dạng văn hóa doanh nghiệp; Văn hóa trong các hoạt động kinh doanh; Xây dựng và duy trì văn hóa doanh nghiệp.

13. Kinh tế lượng

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp lượng hoá một mô hình kinh tế, hiểu cơ sở khoa học và kỹ thuật hồi quy đơn biến, đa biến; Giới thiệu một số kỹ thuật cơ bản trong việc sử dụng kinh tế lượng trong việc nghiên cứu và phân tích kinh tế.

14. Nguyên lý tiền lương

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản, chung nhất về tiền lương và các khoản thu nhập khác của người lao động phát sinh trong quan hệ lao động: Tiền lương tối thiểu, phụ cấp lương, tiền thưởng và các khoản thu nhập khác phát sinh trong quan hệ lao động, cũng như các kiến thức về chế độ tiền lương và hình thức trả lương

15. Kinh tế phát triển

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Đối tượng của môn Kinh tế phát triển; Lý luận phát triển và phát triển bền vững nền kinh tế; Các mô hình tăng trưởng kinh tế; Tính tất yếu và xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, các mô hình lý thuyết về xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế; Khía cạnh xã hội trong quá trình phát triển.

16. Đầu tư tài chính

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Những khái niệm cơ bản trong đầu tư tài chính; các loại tài sản tài chính, các thước đo lãi suất và rủi ro, các chủ đề đầu tư và các yếu tố tác động tới quyết định đầu tư; phương pháp phân tích và lựa chọn các công cụ đầu tư tài chính; cơ chế vận hành các công cụ phái sinh; nắm được các mô hình định giá tài sản và các hoạt động quản lý quỹ đầu tư tài chính

17. Quản trị tài chính doanh nghiệp

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về Quản trị tài chính doanh nghiệp; Quản trị tài sản ngắn hạn; Quản trị nguồn tài trợ ngắn hạn; Quản trị tài sản dài hạn; Nguồn huy động vốn trong doanh nghiệp; Chi phí sử dụng vốn và cơ cấu nguồn vốn trong doanh nghiệp.

18. Tài chính bảo hiểm 2

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản chuyên sâu về tài chính trong lĩnh vực bảo hiểm bao gồm bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thương mại, hệ thống tài chính bảo hiểm trong BHXH và DNBH; các chỉ tiêu tài chính đặc thù trong lĩnh vực bảo hiểm và các phương pháp giám sát cũng như trích lập dự phòng nghiệp vụ trong lĩnh vực tài chính bảo hiểm.

19. Bảo hiểm phi nhân thọ 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về quản trị nhân lực: Bản chất, vai trò, chức năng của quản trị nhân lực; Các quan điểm, các học thuyết của quản trị nhân lực; Các nghiệp vụ cơ bản của quản trị nhân lực: hoạch định nhân lực, tuyển dụng nhân lực, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo nhân lực và quản trị thù lao.

20. Bảo hiểm nhân thọ

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về bảo hiểm nhân thọ; Cơ sở kỹ thuật của bảo hiểm nhân thọ; Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.

21. Tổ chức quản lý các doanh nghiệp bảo hiểm

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Khái quát chung về bảo hiểm thương mại; Mô hình tổ chức và nội dung hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm; Tổ chức triển khai nghiệp vụ bảo hiểm thương mại; Tổ chức quản lý hợp đồng bảo hiểm; Phân tích hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp bảo hiểm.

22. Quản trị kinh doanh bảo hiểm 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Những vấn đề cơ bản về quản trị kinh doanh bảo hiểm; Thị trường bảo hiểm và Marketing trong kinh doanh bảo hiểm; Doanh nghiệp bảo hiểm; Quản trị khách hàng; Phân tích hoạt động kinh doanh bảo hiểm

23. Quản trị kinh doanh bảo hiểm 2

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Quản trị nhân lực trong doanh nghiệp bảo hiểm; Quản trị sản phẩm trong doanh nghiệp bảo hiểm; Quản trị tài chính doanh nghiệp bảo hiểm; Quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm; Phân tích hoạt động kinh doanh bảo hiểm

24. Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần gồm 3 chương, tập trung vào 3 vấn đề chính sau: Bảo hiểm ốm đau; Bảo hiểm thai sản; Bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

25. Bảo hiểm hưu trí

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về bảo hiểm hưu trí gồm: Một số vấn đề chung về bảo hiểm hưu trí; Bảo hiểm hưu trí ở các nước trên thế giới và quá trình hình thành phát triển bảo hiểm hưu trí Việt Nam; Phương pháp luận xác định tuổi nghỉ hưu và thời gian đóng bảo hiểm hưu trí; Tài chính bảo hiểm hưu trí; Pháp luật về bảo hiểm hưu trí, tử tuất ở Việt Nam.

26. Bảo hiểm thất nghiệp

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về BHTN: Khái quát chung về BHTN và môn học BHTN; Tài chính BHTN; Tình hình thất nghiệp và các chính sách giải quyết người lao động thất nghiệp ở VN; Đo lường thất nghiệp và thống kê trong nghiên cứu BHTN; Khung pháp luật và tổ chức quản lý BHTN ở Việt Nam.

27. Kế toán doanh nghiệp bảo hiểm

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Giúp sinh viên nắm được những kiến thức lý luận cơ bản về kế toán tài chính doanh nghiệp bảo hiểm; hình thành những kỹ năng cơ bản để thực hiện các nghiệp vụ kế toán trong doanh nghiệp bảo hiểm

28. Phân tích tài chính doanh nghiệp

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về phân tích tài chính trong doanh nghiệp: Những vấn đề tổng quan về phân tích tài chính doanh nghiệp; Hệ thống báo cáo tài chính nói chung và hệ thống báo cáo tài chính doanh nghiệp (bao gồm bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ); Phân tích năng lực tài chính của doanh nghiệp theo các nhóm nội dung: phân tích khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp, Phân tích tình hình đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh, Phân tích tình hình công nợ và khả năng thanh toán, Phân tích hiệu quả kinh doanh, Phân tích rủi ro kinh doanh

29. Quản trị rủi ro tài chính

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp các nội dung cơ bản về rủi ro tài chính, cách đo lường rủi ro tài chính, mô hình đo lường rủi ro và quá trình quản trị rủi ro tài chính, các biện pháp quản trị rủi ro lãi suất, tín dụng, tỷ giá và thanh khoản. Bên cạnh đó, học phần đề cập đến các công cụ quản trị rủi ro đó là các công cụ tài chính phái sinh.

30. Thị trường tài chính

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về hệ thống tài chính và thị trường tài chính, công cụ trên thị trường tài chính, giải thích các yếu tố tác động đến giá cả của các công cụ tài chính, nghiệp vụ cơ bản của định chế tài chính, kiến thức tài chính – ngân hàng trong nền kinh tế

31. Thẩm định dự án đầu tư

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thẩm định dự án, bao gồm: vị trí và vai trò của công tác thẩm định dự án đầu tư; quy trình thẩm định dự án đầu tư, các phương diện và quan điểm phân tích dự án như phân tích tài chính dự án, phân tích kinh tế xã hội dự án. Đồng thời, học phần cũng trang bị phương pháp thẩm định dự án và tiêu chí thẩm định để sinh viên có đầy đủ các công cụ và phương pháp để thẩm định tài chính dự án

32. Phân tích tài chính bảo hiểm

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về phân tích tài chính trong doanh nghiệp bảo hiểm: Những vấn đề tổng quan về phân tích tài chính DNBH; Hệ thống báo cáo tài chính nói chung và hệ thống báo cáo tài chính DNBH; Phân tích năng lực tài chính của DNBH

33. Giám định bồi thường bảo hiểm

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Sự cần thiết khách quan và vai trò của bảo hiểm thương mại; Khái quát chung về công tác giám định; Khái quát chung về công tác bồi thường

34. Bảo hiểm phi nhân thọ 2

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Bảo hiểm hàng hải; Bảo hiểm nông nghiệp; Bảo hiểm con người phi nhân thọ.

35. Bảo hiểm trách nhiệm

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ thuật nghiệp vụ, pháp lý liên quan đến các loại hình bảo hiểm trách nhiệm phổ biến hiện nay trên thị trường.

36. Quản lý đại lý bảo hiểm

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Khái quát chung về bảo hiểm; Những vấn đề cơ bản về đại lý bảo hiểm; Quy trình khai thác bảo hiểm; Lập kế hoạch, tuyển dụng, đào tạo và phát triển đại lý.

37. Tái bảo hiểm

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về tái bảo hiểm; Các hình thức tái bảo hiểm; Phương pháp tái bảo hiểm; Hợp đồng tái bảo hiểm

38. Kế toán tài chính 1

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản của kế toán tài chính: vai trò của kế toán, nguyên tắc kế toán, nội dung, yêu cầu, hình thức kế toán, quy định về lập, bảo quản, lưu trữ chứng từ, sử dụng tài khoản và mở sổ kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất; Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ; Kế toán tài sản cố định; Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm.

39. Phân tích đầu tư chứng khoán

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn cũng như kỹ năng thực hành các nghiệp vụ phân tích và đầu tư chứng khoán. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về phân tích đầu tư chứng khoán, giúp nhận biết lợi nhuận và rủi ro trong đầu tư chứng khoán, phân tích và định giá chứng khoán. Từ đó giúp sinh viên sau khi ra trường có thể vận dụng kiến thức được học thực hiện tác nghiệp tại các đơn vị, doanh nghiệp.

40. Tài chính quốc tế

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về hoạt động tài chính diễn ra trên bình diện quốc tế với các nội dung chủ yếu là: Tổng quan về thị trường tài chính quốc tế và thị trường ngoại hối, cán cân thanh toán quốc tế, rủi ro trong hoạt động kinh doanh quốc tế, đầu tư quốc tế và quản trị vốn luân chuyển quốc tế.

41. Bảo hiểm tiền gửi

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về bảo hiểm tiền gửi gồm: Khái quát chung chung về bảo hiểm tiền gửi; Sơ lược lịch sử hình thành và phát triển của bảo hiểm tiền gửi và hệ thống bảo hiểm tiền gửi ở các nước trên thế giới; Nội dung cơ bản của bảo hiểm tiền gửi; Pháp luật và tổ chức quản lý bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam

42. Bảo hiểm y tế

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về BHYT: Cơ sở lý luận về Bảo hiểm y tế; Bảo hiểm y tế ở một số nước trên thế giới; Tài chính y tế; Phương pháp xác định phí BHYT và thanh toán chi phí khám chữa bệnh bằng thẻ BHYT; Chính sách Bảo hiểm y tế ở Việt Nam.

43. Quản trị Bảo hiểm xã hội

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị BHXH: Khái quát những vấn đề cơ bản về quản trị BHXH; các chức năng cơ bản của quản trị BHXH, Hệ thống tổ chức hoạt động sự nghiệp BHXH; Các nội dung quản lý đối tượng tham gia, đối tượng hưởng, quản lý thu, chi, đầu tư, cân đối quỹ BHXH.

44. Định phí sản phẩm bảo hiểm

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần giới thiệu một cách khái quát những vấn đề liên quan đến việc xác định mức phí cho một sản phẩm bảo hiểm. Ý nghĩa của việc định phí sản phẩm bảo hiểm đối với sự phát triển của doanh nghiệp bảo hiểm. Bên cạnh đó, học phần cũng trình bày một số phương pháp định phí sản phẩm bảo hiểm đang được áp dụng.

45. Thực tập cuối khóa

Số tín chỉ: 04 tín chỉ

Học phần giúp cho sinh viên ứng dụng những kiến thức đã học vào thực tế hoạt động của các tổ chức tài chính, các doanh nghiệp bảo hiểm và cơ quan bảo hiểm xã hội.

46. Đầu tư tài chính bảo hiểm

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Những vấn đề cơ bản về đầu tư và hoạt động đầu tư phát triển; Nguồn vốn đầu tư và điều kiện huy động hiệu quả nguồn vốn đầu tư; Các phương pháp lựa chọn phương án đầu tư; Những vấn đề liên quan đến quỹ bảo hiểm xã hội, các hệ thống tài chính và mô hình cân đối quỹ BHXH, các loại doanh thu chi phí trong DNBH và các nhân tố ảnh hưởng đến doanh thu chi phí; Các chỉ tiêu tài chính đặc thù trong DNBH và phương pháp trích lập; Hoạt động đầu tư của DNBH và quỹ BHXH

47. Kinh tế bảo hiểm

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp những kiến thức sau: Tổng quan về bảo hiểm phi nhân thọ; Bảo hiểm xe cơ giới; Bảo hiểm tai nạn và sức khỏe, Bảo hiểm nhân thọ

48. Khóa luận tốt nghiệp

Số tín chỉ: 06 tín chỉ

Học phần củng cố kiến thức chuyên ngành tài chính bảo hiểm cho sinh viên gồm tài chính doanh nghiệp, tài chính bảo hiểm, đầu tư tài chính bảo hiểm, thị trường chứng khoán... và các kiến thức quản trị rủi ro, quản trị rủi ro tài chính, phân tích tài chính bảo hiểm. Học phần rèn luyện kỹ năng ứng dụng kiến thức vào giải quyết một vấn đề cụ thể thuộc ngành tài chính bảo hiểm; rèn luyện khả năng nghiên cứu của sinh viên thông qua đề xuất, thực hiện và đưa ra những giải pháp để giải quyết một vấn đề về tài chính và bảo hiểm.

49. Toán cao cấp 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về ma trận, định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Không gian vector và các mối liên hệ tuyến tính trong không gian vector; Cách tính định thức, tìm ma trận nghịch đảo, tìm nghiệm của hệ phương trình tuyến tính, tìm hạng, cơ sở của hệ véc tơ và cơ sở của không gian con R^n ; Ứng dụng của đại số tuyến tính trong phân tích mô hình cân bằng cung cầu, mô hình cân đối liên ngành.

50. Toán cao cấp 2

Số tín chỉ : 02 tín chỉ

Học phần gồm 3 chương, chứa đựng các kiến thức cơ bản cần thiết của giải tích và một số ứng dụng trong kinh tế: Dãy số giới hạn của dãy số; hàm số một biến số, giới hạn và tính liên tục; Đạo hàm, vi phân, tích phân của hàm số một biến số; Cực trị của hàm số một biến số; Ứng dụng của đạo hàm, tích phân trong phân tích kinh tế; Hàm số hai biến số; Đạo hàm và vi phân của hàm số hai biến số; Hàm thuần nhất; Cực trị của hàm hai biến số; Ứng dụng của đạo hàm riêng, vi phân trong kinh tế học; Đạo hàm riêng cấp 2 và qui luật năng suất cận biên giảm dần; Hệ số co giãn; Hệ số thay thế.

51. Lý thuyết xác suất và Thống kê toán

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê toán. Học phần cũng giúp sinh viên giải quyết các bài tập xác suất và thống kê. Những kiến thức này là nền tảng giúp sinh viên học các môn học chuyên ngành về sau.

52. Triết học Mác - Lênin

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

53. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Nội dung thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

54. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Nội dung thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

55. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Nội dung thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

56. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Nội dung thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

57. Pháp luật đại cương

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Những vấn đề cơ bản về nhà nước; Những vấn đề cơ bản về pháp luật; Pháp chế xã hội chủ nghĩa

58. Tin học cơ bản 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ sở nhất để có thể làm việc trên máy tính, làm việc với các phần mềm chạy trên nền Hệ điều hành Windows, trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng soạn thảo và định dạng văn bản bằng Microsoft Word, kỹ năng tính toán, phân tích và tổng hợp dữ liệu bằng Microsoft Excel.

59. Tin học cơ bản 2

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần tin học cơ bản 2 nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về CSDL (Database), CSDL quan hệ (Relational Database) và một số hệ quản trị cơ sở dữ liệu phổ biến hiện nay.

60. Soạn thảo văn bản

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Lý luận chung về văn bản quản lý nhà nước; Kỹ thuật soạn thảo Quyết định cá biệt: Khái niệm, đặc điểm và kỹ thuật soạn thảo Quyết định cá biệt; Kỹ thuật soạn thảo một số văn bản hành chính thông thường.

61. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần gồm những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học: Làm rõ các khái niệm liên quan đến các sự vật, hiện tượng mà mình quan tâm; Phán đoán về mối liên hệ giữa các sự vật và hiện tượng; Tư duy nghiên cứu khoa học là tư duy hệ thống; Trình tự logic của nghiên cứu khoa học; Các phương pháp cơ bản để thực hiện nghiên cứu đề tài khoa học, nhất là khóa luận tốt nghiệp; Đạo đức khoa học.

62. Logic học

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Đối tượng và ý nghĩa của logic học; Khái niệm; Phán đoán; Các quy luật cơ bản của logic hình thức; Suy luận; Chứng minh và bác bỏ; Giả thuyết.

63. Tâm lý học đại cương

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tâm lý học đại cương cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học về bản chất, cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của hiện tượng tâm lý người; Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý; Khái quát sự hình thành và phát triển tâm lý người; Các tri thức cơ bản về các quá trình nhận thức, trí nhớ, tình cảm, ý chí của con người; Nhân cách và những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người.

64. Tiếng Anh cơ bản 1

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh cơ bản trình độ đầu A2 chuẩn châu Âu, với các nội dung: Ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu; Trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...

65. Tiếng Anh cơ bản 2

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Cung cấp kiến thức tiếng Anh cơ bản trình độ giữa A2 trở lên theo chuẩn châu Âu, với các nội dung: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu, trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...

66. Tiếng Anh chuyên ngành tài chính bảo hiểm

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên từ vựng, thuật ngữ tiếng anh chuyên ngành tài chính bảo hiểm, kỹ năng đọc hiểu, giao tiếp, dịch các bài đọc, tài liệu tiếng anh chuyên ngành tài chính bảo hiểm ở mức độ cơ bản, kỹ năng giao tiếp về các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, đầu tư chứng khoán.

67. Giáo dục thể chất

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung ban hành tại Quyết định số 1181/QĐ-ĐHLĐXH ngày 14/7/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội

68. Giáo dục quốc phòng và an ninh

Số tín chỉ: 08 tín chỉ

Nội dung ban hành tại Quyết định số 1133/QĐ-ĐHLĐXH ngày 25/5/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động - Xã hội

2.5 Chương trình tham khảo

Chương trình đào tạo trong nước:

- Chương trình đào tạo cử nhân chính quy ngành Kinh tế bảo hiểm, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

- Chương trình đào tạo cử nhân chính quy ngành Tài chính Bảo hiểm, Học viện Tài chính.

Chương trình đào tạo quốc tế

- Chương trình đào tạo của học viện Hoàng gia London, Anh (Imperial college London-ICL)

- Chương trình đào tạo của Trường Đại học Quản lý Singapore (SMU)

- Chương trình đào tạo tài chính bảo hiểm của trường Đại học Glasgow Caledonian, London (GCU London)

- Chương trình đào tạo ngành tài chính, kế toán, bảo hiểm của trường Đại học University of Warsaw, Ba Lan (UW – Poland)

2.6. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình thực hiện theo quy định của trường Đại học Lao động – Xã hội

IV. ĐỀ NGHỊ VÀ CAM KẾT THỰC HIỆN

1. Đề án đăng ký mở ngành đào tạo Tài chính – Bảo hiểm, các thông tin về 3 công khai, chuẩn đầu ra và các quy định liên quan về đào tạo và nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Lao động - Xã hội được đăng trên website của trường có địa chỉ là: <http://ulsa.edu.vn>.

2. Căn cứ vào năng lực thực tế của Trường và nhu cầu của thị trường lao động; căn cứ định hướng chỉ đạo của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội; Khoa Bảo hiểm kính đề nghị Trường đại học Lao động - Xã hội cho phép đào tạo ngành Tài chính – Bảo hiểm trình độ đại học từ năm học 2021 - 2022.

3. Nếu được phê duyệt, Khoa Bảo hiểm, Trường đại học Lao động - Xã hội cam kết sẽ tổ chức đào tạo ngành Tài chính – bảo hiểm trình độ đại học theo đúng đề án đăng ký và các quy định của pháp luật hiện hành.

Trân trọng cảm ơn!

TRƯỞNG KHOA

TS. Hoàng Bích Hồng

